

SÁNG TẠO

THÁNG CHÍN - 1957

BẢN LÊN TIẾNG CHUNG CỦA TÁM TÁC GIẢ VIỆT NAM

KHẢO LUẬN

NGUYỄN SA TRIẾT HỌC CỦA KANT
LÊ VĂN SIÊU BIÊN KINH TRÊN LÁ CHUỐI
HOÀNG THÁI LINH THÔNG CẢM
THÁI TUẤN THÁI ĐỘ CẦN THIẾT KHI XEM TRANH

SÁNG TÁC

NGƯỜI SÔNG THƯƠNG NGƯỜI LỮ KHÁCH TRONG
THÀNH PHỐ CHÚNG TA
DOÃN QUỐC SỸ TRĂNG SAO
TÔ THÙY YÊN ĐÁM CƯỜI
THANH NAM CON MÈO HOANG

Thơ Tự do của NGUYỄN SA - DUY THANH -
SAO BĂNG - THỦY THỦ

QUA CÁC BỘ MÔN VĂN NGHỆ

MAI THẢO: SÁCH MỜI: AI CÓ QUA CẦU của **HOÀI ĐỒNG**
VỌNG - HẦU ANH: TẶNG PHẨM CỦA TRỪNG DƯƠNG của
ANNE MORROW LINDBERGH - MẶC ĐỒ: đọc NAM ET SYL-
VIE của NAM KIM - NGUYỄN ĐĂNG: CHỐNG MÁC XÍT của
NGUYỄN KIÊN TRUNG.

CHỦ TRƯỞNG BIÊN TẬP

MAI THẢO

TẠP CHÍ VĂN NGHỆ XUẤT BẢN HÀNG THÁNG
TÒA SOẠN VÀ TRỊ SỰ : 133B KỶ CON - SAIGON

tạp chí văn nghệ
Sáng Tạo
số 12
tháng chín - 1957

**lê văn siêu - hoàng thái linh -
nguyên sa - thái tuấn - người
sông thương - doãn quốc sỹ -
tô thùỳ yên - thanh nam - duy
thanh - sao băng - thủy thủ -
mai thảo - hầu anh - mặc đồ -
nguyễn đăng**

sáng tạo số 12

tháng 9 - 1957

bìa: *Tạp chí Sáng Tạo*
trình bày: *Muôn Phương*
nguồn: *Internet*

tạp chí văn nghệ
Sáng Tạo
số 12
tháng 9 - 1957

NỘI DUNG SỔ NÀY

	Trang
BẢN LÊN TIẾNG CHUNG CỦA TÁM TÁC GIẢ VN	9
THÔNG CẢM	12
HOÀNG THÁI LINH	
TRIẾT HỌC CỦA KANT	33
NGUYỄN SA	
ĐÁM CƯỜI	43
TÔ THÙY YÊN	
BÀI THƠ NGẮN	49
NGUYỄN SA	
TRẮNG	52
SAO BĂNG	
MỘT MÌNH	55
THỦY THỦ	
KHUNG CỬA - DÒNG SÔNG	57
DUY THANH	
NGƯỜI LỮ KHÁCH TRONG	60
THÀNH PHỐ CHÚNG TA	
NGƯỜI SÔNG THƯƠNG	
TRẮNG SAO	79
DOÃN QUỐC SỸ	
THÁI ĐỘ CẦN THIẾT	102
KHI XEM TRANH	
THÁI TUẤN	
BIÊN KINH TRÊN LÁ CHUỐI	117
LÊ VĂN SIÊU	
CON MÈO HOANG	129
THANH NAM	

QUA CÁC BỘ MÔN VĂN NGHỆ

MAI THẢO: SÁCH MỚI: AI CÓ QUA CẦU của **HOÀI ĐỒNG VỌNG** (trang 161) - **HẦU ANH:** TẶNG PHẨM CỦA TRỪNG DƯƠNG của **ANNE MORROW LINDBERGH** (trang 165) - **MẶC ĐỒ:** đọc **NAM ET SYLVIE** của **NAM KIM** (trang 167) - **NGUYỄN ĐĂNG:** CHỐNG MÁC XÍT của **NGUYỄN KIÊN TRUNG** (trang 173).

o O o

**SÁNG TẠO ĐÓNG THÀNH TẬP
ĐÃ PHÁT HÀNH**

In trên bìa cứng, trình bày mỹ thuật, dày 400 trang. Giá đặc biệt: 30\$. Tập chí văn nghệ SÁNG TẠO đóng thành tập (từ số 1 đến số 6) đã phát hành toàn quốc. Các bạn chưa mua từ số đầu hoặc chưa có đủ bộ nên tìm mua ngay ở các hiệu sách vì số in chỉ có hạn.

o O o

Thư từ và bài vở gửi cho: MAI THẢO
Tiền bạc và ngân phiếu cho: ĐẶNG LÊ KIM

TÒA SOẠN – TRỊ SỰ:
133B, Ký Con – SAIGON

SÁNG TẠO

Tạp chí văn nghệ xuất bản hàng tháng

BẢN LÊN TIẾNG CHUNG CỦA TÁM TÁC GIẢ VIỆT NAM

Chúng tôi, những tác giả Việt Nam ký tên dưới đây, nhận thức:

— Những ràng buộc tất nhiên giữa cá nhân tác giả và cuộc sống của toàn thể — những ràng buộc đó đòi hỏi ở tác giả ý kiến, thái độ, hành động;

— Trách nhiệm mặc nhiên của tác giả trước xã hội và lịch sử — trách nhiệm đó phải được công nhiên đảm nhận;

— Giá trị của sự lên tiếng chung — đã đến lúc tiếng nói của từng tác giả cần phải kết hợp vì đòi hỏi và trách nhiệm trên;

Bởi vậy, tự ý liên kết để:

— Thống nhất quan điểm, bày tỏ ý kiến, thái độ về những vấn đề cần đặt ra trong tinh thần tôn trọng tự do, độc lập của mỗi người;

— Tranh thủ những điều kiện căn bản tự do, độc lập thiết yếu cho sự tồn tại và phát triển của tư tưởng, văn chương, nghệ thuật.

Không nghĩ rằng công việc của chúng tôi có ảnh hưởng quyết định trong việc giải quyết những vấn đề, nhưng ít nhất cũng có giá trị một cố gắng của những người tha thiết với trách nhiệm, chúng tôi chân thành kêu gọi bạn đồng tình và viết bản văn này xác nhận sự có mặt của chúng tôi.

DOÃN QUỐC SỸ — DUY THANH — MAI
THẢO — MẶC ĐỖ — NGUYỄN SỸ TẾ —
THANH TÂM TUYỀN — TRẦN THANH
HIỆP — VŨ KHẮC KHOAN

THÔNG CẢM

HOÀNG THÁI LINH

*“Yêu không phải là nhìn nhau, nhưng
là cùng nhìn về một hướng”*

SAINT EXUPERY

Con người cô đơn hay thông cảm? Hãy tự hỏi kinh nghiệm đời sống hàng ngày của chúng ta. Ai không có những lúc cô đơn? Cô đơn là một trạng thái tâm lý: cảm thấy ta với ta, chỉ mình hiểu mình. Nguồn gốc có đơn ở chỗ xa cách người khác, không được người khác chia sẻ tâm sự, thông cảm nỗi niềm riêng của mình. Ví dụ: Tôi buồn. Nỗi buồn đó là độc nhất vì chỉ mình tôi hiểu, cảm thấy và sống nó thôi. Buồn là một sự kiện tinh thần, ở trong lòng, nhưng cũng lộ ra ngoài nét mặt, trong những biến đổi sinh lý.

Người khác trông thấy nét mặt tôi biến đổi, hoặc nghe tôi nói, thì biết là tôi buồn. Nhưng, biết tôi buồn không phải có chính cái buồn của tôi đang cảm thấy. Hay nói cách khác, người ngoài chỉ có cái buồn đó như một tri thức, nhờ phản tỉnh suy ra thế nào là buồn, qua những kinh nghiệm riêng của mình

Nhưng nếu người ngoài là một bạn thân, anh ta có thể nói với tôi: tôi chia buồn với anh, tôi thông cảm với anh. Người bạn của tôi bây giờ không những có cái buồn của tôi như một tri thức, mà còn cảm thấy buồn thật như tôi, nghĩa là anh ta cũng buồn và cái buồn đó cũng lộ ra nét mặt. Ngôn ngữ thông thường gọi đó là một thông cảm hoàn toàn giữa hai tâm hồn.

Nhưng nghĩ cho kỹ, ta thấy cái buồn của người bạn tôi không phải là chính cái buồn tôi đang có, mà là nỗi buồn của anh ta, vì tôi mà buồn. Anh bạn tôi cảm thấy buồn, và cái buồn ở trong lòng anh ấy, nhưng có đối tượng, nguyên nhân là nỗi buồn của tôi. Như thế không có sự

chia sẻ, nghĩa là tôi chia cho anh bạn một nửa hay tất cả cái buồn của tôi, để tôi được khỏi buồn; trái lại, thông cảm chỉ gây thêm buồn.

Trước khi thông cảm, chỉ có mình tôi buồn, có thông cảm, cái buồn thành hai, và có thể thành ba, bốn vân vân. Cho nên, tôi không thể chuyển giao cái buồn hay những tình cảm khác của tôi cho người ngoài. Dù sao, chúng cũng là của tôi, ở trong tôi, chỉ mình tôi phải nhận gánh lấy, không ai thay thế, chịu đựng hộ. Nỗi cô đơn của cõi lòng là tuyệt đối.

Khi phản tỉnh (se réfléchir), tự giác tôi là tôi, cái tôi đó là của tôi, không ai vào được, lãnh hội hay chi phối nó. Sở dĩ tôi cảm thấy biết bao khó khăn khi muốn làm cho người khác hiểu tôi trong những vấn đề phức tạp là vì tôi nhận thấy rõ ràng thực sự chỉ có mình tôi hiểu chúng thế nào mà không thể nói ra được để thông cảm mong người khác hiểu như tôi hiểu.

Tâm hồn mỗi người là một vũ trụ khép kín,

đơn độc, một huyền nhiệm. Giữa các ý thức, có bức tường chắn ngang hay vây chung quanh, không ai thoát khỏi cái chủ quan của mình để hòa vào chủ quan của người khác. Mỗi ý thức là một cô đơn tuyệt đối.

Nỗi cô đơn đó càng tăng khi có một bản ngã khác thường, một cá tính mãnh liệt. Con người quần chúng rất ít khi cảm thấy cô đơn vì tâm hồn họ là một khối đồng tính (homogène).

Con người quần chúng có những phản ứng như nhau trước những hoàn cảnh, kích thích bên ngoài. Họ hòa hợp với nhau dễ dàng vì không ai có cái gì đặc biệt. Có cái đặc biệt nghĩa là có cái độc nhất, chỉ mình có và không ai có cả. Mà có cái không ai có tức là tách khỏi đám đông hay chính đám đông từ bỏ, ném ra ngoài đoàn thể những người không nhận thức, cảm xúc và sống như mình.

Cho nên người đặc biệt là người cô đơn. Đó là nỗi cô đơn của những người thiên tài. Người

càng lắm thiên tài, nghĩa là càng lắm cái đặc biệt, càng xa quần chúng, và nỗi cô đơn càng tăng thêm.

Những tác phẩm của Alfred de Vigay là một bản trường ca nỗi cô đơn của con người thiên tài. Nhà thi sĩ cô đơn trong những cảm xúc đặc biệt của mình, nhà triết học cô đơn trong những chân lý cao xa của mình về cuộc đời, về lối sống của thi sĩ, triết gia khác lối sống của quần chúng. Ví dụ: nhà triết học cho rằng trước hết phải đi tìm chân lý, ý nghĩa sau cùng mọi sự, mọi việc một cách vô vị lợi, thanh bình, trái lại xã hội thực tế chủ trương trước hết tìm ăn đã; cho nên lời nói của triết học chỉ là tiếng kêu trong sa mạc.

Nói một cách khác, người đặc biệt, thiên tài cô đơn vì không biết thích nghi, hòa mình vào quần chúng. Nhưng nếu hòa mình, sẽ không còn cái đặc biệt, cho nên chỉ còn ta với ta, ta hiểu ta, ta là ta mà thôi.

Tôi nhớ đã đọc trong một số báo “Phổ Thông” cơ quan của nhóm cựu sinh viên trường Luật Hà nội, vở kịch “Thằng Cuội” của Vũ Khắc Khoan. Tâm hồn của Cuội là một cô đơn hoàn toàn. Cuội trông thấy Tiên, nghe họ ca hát, nhưng chỉ mình Cuội được đặc ân đó thôi. Khi Cuội muốn thông cảm cái đặc ân đó cho người khác, dù là người thân thiết như cha mẹ, cái Gái, người yêu của chàng, Cuội đều cảm thấy vô ích. Họ không tin chàng vì họ không nghe thấy, không trông thấy gì hết. Chàng đi chăn trâu, nhưng để trâu ăn lúa của người ta, vì còn mãi ngắm tiên ca múa. Về nhà, cha chàng giận mắng, chàng cố biện bạch một cách đau đớn cho cha hiểu rằng chàng đã thấy tiên, nhưng chàng càng cố gắng thông cảm đặc ân cho cha, càng làm cho cha chàng nổi giận, và sau cùng mắng đuổi chàng. Còn Gái cũng quở trách chàng vì chỉ nghĩ đến những nàng tiên đẹp, tưởng tượng đang thấy họ ca múa, ngay cả khi ngồi với mình. Đối với họ, Cuội chỉ là thằng điên, thằng nói dối, “nói dối như Cuội”. Thông cảm thất bại hoàn toàn.

Cuội chán nản bỏ nhà, bỏ người yêu, lên đường đi tìm những con người đẹp... mang theo cái đặc ân được thấy tiên nữ.

Kinh nghiệm hàng ngày cũng cho ta thấy nhiều lần chán nản, thất vọng khi chúng ta kể lại cho người khác một vài kỷ niệm ta đã sống thực mà chỉ thấy họ lãnh đạm, hững hờ, không hiểu nổi tâm hồn ta, vì họ không có những kỷ niệm xây bằng những hình ảnh, tình cảm tương tự.

Nhưng con người có cô đơn tuyệt đối không? Không, vì thực sự chỉ cảm thấy cô đơn khi tiếp xúc với người khác. Nếu sống một mình, tự tại, tự mãn như Thượng Đế thì không có cô đơn. Sở dĩ có cô đơn là vì chung sống với người khác, và càng giao thiệp, càng hoạt động, càng cảm thấy cô đơn khi bị hiểu nhầm. Vì thế, cố đơn khác cô độc. Một người sống cô độc, nhưng có thể không phải cô đơn.

Những người tu hành, những nhà khảo cứu trong cảnh tịch mịch vắng vẻ của rừng núi hay phòng thí nghiệm là cô độc, nhưng không cô

đơn vì họ vẫn thông cảm với xã hội bằng lời cầu nguyện, bằng sách vở. Sự có mặt bằng thân xác ở bên cạnh người khác không phải là điều kiện thiết yếu của thông cảm. Trái lại, người ta có thể cô đơn giữa đám đông, xã hội. Cho nên cô đơn trong lòng người không phải tại cảnh vật, hoàn cảnh bên ngoài...

Ta cảm thấy cô đơn khi chỉ mình hiểu mình ở giữa những người khác. Vậy người khác là điều kiện thiết yếu của cô đơn. Tôi chỉ ý thức được tôi là tôi trong tiếp xúc, tương giao, vì nếu không có người khác, những cái tôi khác để so sánh, cái tôi không thể hiểu được.

Khi nói “tôi đây” tức là muốn chỉ thị một cái gì “độc nhất” khác với mọi cái khác. Một bà mẹ đánh mất cái kim, bảo mấy đứa con tìm và hứa sẽ thưởng cho đứa nào tìm thấy. Giả sử một đứa trong bọn tìm được, sung sướng reo lên: “A, thấy rồi, chính con đã tìm được đây, mẹ thưởng đi”. Khi nó nói thế, là cố ý nhắc cho mẹ nó biết rằng chính nó, một mình nó đã tìm ra, chứ không phải

thằng A con B, mẹ đúng có nhầm. Nhưng đã rõ đứa trẻ sở dĩ cần nhấn mạnh vào cái tôi của nó là vì có những đứa khác; nếu có mình nó, tất nhiên nó không cần nhắc bảo mẹ nó rằng chỉ có nó, chính nó, chứ không phải đứa khác đã tìm ra cái kim mất.

Cho nên tôi chỉ ý thức được cái tôi tuyệt đối trong một tương quan (un terme dans un rapport). Tương quan là một khái niệm triết lý căn bản trong hệ thống Hegel. Theo Hegel, không có gì là cô độc. Một sự vật chỉ có thể lãnh hội được trong tương quan giữa nó với những sự vật khác. Nếu lấy một tư tưởng, tình cảm nào đó ta chỉ hiểu được tư tưởng tình cảm đó khi đặt chúng vào một tổng hợp là con người nhận thức và cảm xúc. Nhưng con người cá nhân đó cũng không cô lập vì chỉ tồn tại trong một hoàn cảnh địa lý, một lịch sử, một nền văn minh, và nền văn minh đó cũng chỉ hiểu được bằng cách so sánh nó với những văn minh khác.

Ví dụ: đây là cái đồng hồ. Ta có thể coi đó là

một sự vật độc nhất. Nhưng cái đồng hồ có một vị trí nhất định ở trên bàn viết, và chỉ hiểu được vị trí của nó khi so sánh với vị trí của lọ mực, cái thước kẻ... Cái đồng hồ cũng có những màu sắc, hình thù nhất định. Nhưng ta chỉ lãnh hội được màu sắc, hình thù riêng biệt của nó bằng cách nghĩ đến những màu sắc, hình thù khác. Như thế, cái đồng hồ không còn là một đơn vị tự mãn cô lập, nhưng là những tương quan.

Vật chất cấu tạo nên vũ trụ khách quan, là đối tượng nghiên cứu của khoa học thực nghiệm. Đặc tính của khoa học là đo lường. Nhưng chỉ có thể đo lường bằng cách so sánh, đặt những sự vật vào một tương quan. Khi nói: “Cái đồng hồ báo thức này to hơn lọ mực. Sở dĩ nói được như thế là vì ta so sánh cái đồng hồ với lọ mực. Trong một tương quan khác, ví dụ so sánh đồng hồ với cái tủ, ta lại nói: đồng hồ bé hơn cái tủ. Như vậy ta, chỉ xác định sự vật khi đặt nó vào một tương quan. Nếu không so sánh, cứ đứng ở lập trường đồng hồ, trừu tượng hóa mọi sự vật khác, ta chỉ có thể bảo: cái đồng hồ là cái đồng hồ”, không thể

nói nó to hay nó bé được, vì khái niệm to bé chỉ hiểu được trong tương quan.

Về con người cũng vậy. Ý thức chỉ biết mình là ý thức khi tiếp xúc với cái không phải là ý thức. Biết tức là phóng ngoại, ra khỏi mình, hướng về sự vật, vì “ý thức bao giờ cũng chỉ là ý thức cái gì” (*La conscience est toujours conscience de quelque chose*) (Husserl). Ý thức tự giác trong khi nhận thức sự vật, không phải tự giác là ý thức thuần túy, vì khi không còn tiếp xúc tức khắc cũng không có ý thức nữa. Cho nên ý thức xuất hiện đồng thời bởi sự vật.

Cũng như con người cảm xúc: thẹn là thẹn với ai, giận là giận ai, yêu là yêu ai. Nếu không có người khác, không có sự kiện tâm lý. Con người luân lý cũng vậy. Khi nói phải trung thành tức là phải trung thành với ai, không được ăn hối lộ là không được ăn cắp của ai. Nếu sống một mình, vấn đề luân lý không đặt ra, và người có luân lý là người biết thực hiện những luật lệ xác định các mối tương quan giữa người với người.

Tóm lại, không thể tự giác là cái tôi chủ quan, nếu không phóng ngoại, tiếp xúc; do đó, người khác là một trung gian, điều kiện thiết yếu của tự giác. Sở dĩ ta hiểu được cái vô hạn là vì có cái hữu hạn, hay ngược lại, cũng như chỉ ý thức được cô đơn vì có thông cảm. Cho nên cô đơn và thông cảm là hai nhịp của một vận chuyển biện chứng, cái này làm trung gian đưa đến cái kia.

Trong lịch sử, chủ nghĩa duy tâm bao hàm một quan niệm con người cô đơn tuyệt đối. Triết lý duy tâm khởi điểm từ ý thức, bằng tự giác thấy mình xa cách người khác và vũ trụ, rồi lại trở về với ý thức. Con người duy tâm cô đơn vì không thể thoát ra khỏi cái chủ quan mình. Dưới hình thức văn chương, quan niệm con người cô đơn cũng là linh hồn của phái lãng mạn. Con người lãng mạn, vì nhìn thấy ở đâu cũng chỉ thấy có một mình, mình hiểu mình đau đớn than khóc về cái cảnh cô lập của cõi lòng trước thái độ lãnh đạm, hững hờ, hay độc ác của người đời và vũ trụ. Văn nghệ lãng mạn biểu lộ thông cảm thất bại trong cái ta, và cái tôi chỉ còn biết trở về với lòng mình.

Như vậy, con người chỉ cô đơn, vì muốn thông cảm và cô đơn là một thông cảm thất bại mà thôi, vì nếu không muốn thông cảm, tất nhiên sẽ không có cô đơn. Những con người không thể sống cô đơn; cuộc đời không thông cảm mất hết ý nghĩa một cuộc đời đáng sống, vì không còn vui thú hay đau khổ. Rượu ngon không có bạn hiền, đánh cờ ngâm thơ mà không có tri kỷ thì còn thú vị gì nữa; cũng như phải có hai người mới nói lên được trời đẹp “Il faut être deux pour nommer que le ciel est beau” (Bachelard).

Con người không thoát được thông cảm, nhưng thế nào là thông cảm đích thực? Trong lúc buồn sâu, đau khổ, dĩ nhiên không thể nào chia xẻ theo nghĩa chuyển giao tâm trạng đó cho người khác, vì cái đau khổ bao giờ cũng chỉ là của tôi. Nhưng không ai chối cãi được sự có mặt một người bạn thân, hiểu mình ở bên cạnh có thể làm vui hay làm cho tôi khỏi đau khổ. Đó là thông cảm; không phải ở chỗ người bạn tôi lãnh hội cái buồn tôi trao cho, nhưng là giúp tôi chịu đựng hay dẹp cái buồn bằng lời lẽ đượm yêu đương của khuyên nhủ, an ủi.

Đây là một điều đau khổ, nếu tôi cô đơn, có lẽ tôi không chịu nổi. Nó trở thành mãnh liệt quá. Nếu có người bạn, tôi sẽ chịu đựng được hay thoát khỏi đau khổ. Trước sau, nỗi buồn khổ vẫn thế, nhưng cái thay đổi là khả năng chịu đựng nhờ sự giúp đỡ của người ngoài, cái buồn hình như giảm đi; nếu tôi không đủ khả năng chịu đựng, cái buồn như tăng thêm. Cho nên thông cảm là ở chỗ giúp đỡ nhau chịu đựng để tự giải phóng, chứ không phải trách nhiệm hộ, chịu đựng hộ, vì không ai có thể trách nhiệm cuộc đời người khác.

Mỗi người có một thiên chức, một sứ mệnh thiêng liêng không ai thay thế được.

Một sự kiện khác chứng minh con người có thông cảm là “ngôn ngữ”. Ngôn Ngữ là phương tiện truyền cảm và thông cảm. Ý nghĩa và cứu cánh của lời nói là nói với người khác và muốn được nghe. Nếu tôi cô đơn, không có ngôn ngữ. Nói là một tiếng gọi, một giới thiệu muốn được đáp lại và chấp nhận. Đứa bé, khi chưa biết nói,

cười hay khóc cũng là một lối yêu cầu, đòi hỏi người khác. Ngay cả trong trường hợp độc thoại, lời nói cũng không cô đơn vì người nghe đấy là chính tôi.

Hơn nữa, nói không phải chỉ để người khác nghe, mà còn để người khác hiểu điều mình muốn nói nữa. Nhưng làm thế nào để biểu lộ điều mình nói hoàn toàn thuộc phạm vi tinh thần? Phải dùng một số ký hiệu (âm thanh, dấu hiệu v. v..) và gán cho những ký hiệu đó một ý nghĩa phổ biến. Sự kiện đó gây nên một khó khăn sau đây: nếu muốn nói cho người khác hiểu, tôi phải dùng ký hiệu, ngôn ngữ có ý nghĩa phổ biến, tôi không còn diễn tả, nói lên được cái riêng tư đặc biệt của tôi. Trái lại, nếu tôi muốn nói cái đặc biệt của tôi, sẽ không ai hiểu cả, vì không có trung gian là những ký hiệu phổ biến.

Do đó, nếu muốn thông cảm, phải bỏ cá tính, cái riêng tư và phải nói cái vô ngã, khách quan, cái mà ai cũng đã biết, vì người ta chỉ thông cảm với nhau trong cái phổ biến. Thông cảm lại thất

bại vì tôi không thể truyền cảm cái riêng biệt của tôi cho người khác; mà chỉ cái riêng tư mới đáng nói lên, còn cái phổ biến, ai cũng đã biết, nói làm gì vô ích.

Đó là lý do thất vọng của văn nghệ sĩ, triết gia khi thấy quần chúng không hiểu mình, không thể thưởng thức tác phẩm của mình. Một bức họa, một bài thơ càng diễn tả cái cá tính sâu xa, phản ánh cái đặc biệt của tác giả, đối với quần chúng càng tăm tối, vì quần chúng không biết căn cứ vào những ký hiệu nào để lãnh hội ý nghĩa của chúng.

Nói cách khác, những văn ảnh, hình thức diễn tả, tác giả tạo ra để nói lên cái riêng tư của mình chưa được phổ biến, biến thành những quy ước chung, nên quần chúng không thể hiểu được ý nghĩa tác giả muốn gán cho những hình thức diễn tả đặc biệt đó.

Nhưng thực sự không có mâu thuẫn giữa diễn tả cái tư riêng và ý chí thông cảm, vì yếu tính của ngôn ngữ bao hàm cả hai đặc điểm đó.

Không có diễn tả nào không nhằm được thông cảm vì nếu không muốn thông cảm, không cần diễn tả. Do đó nhà văn nghệ dù muốn diễn tả cái tư riêng của mình đến một độ cao thế nào đi nữa, vẫn mong ước truyền cảm cái tư riêng đó cho người khác.

Khi phải siêu thực (surréalisme) phủ nhận mọi kỹ thuật sáng tác thông thường, đi tìm một diễn tả thuần túy, không cần nghĩ đến quần chúng có hiểu hay không, cũng vẫn là mơ ước tạo nên một lối thông cảm; vì nếu không muốn có thông cảm, tại sao còn vẽ, viết văn làm gì? Nhưng những nhóm siêu thực chứng minh siêu thực cũng có người thông cảm được, cũng có quần chúng.

Trái lại, Thông cảm không diễn tả tư riêng cũng vô nghĩa. Dĩ nhiên khi nói, viết văn, tôi phải sử dụng những vật liệu chung – những kỹ thuật phổ biến, nhưng tôi chỉ dùng những vật liệu đó để xây dựng một cái gì mới mẻ, đặc biệt. Đó là ý nghĩa của sáng tác. Tôi xếp đặt những nốt nhạc, những chữ có ý nghĩa phổ biến vào một tổng hợp

diễn tả tình cảm, ý nghĩa riêng của tôi; vì nói bao giờ cũng bao hàm rằng tôi có cái gì riêng muốn thông cảm.

Như thế, lời nói là phương tiện thông cảm. Nhưng chỉ có thông cảm đích thực khi lời nói chứa đựng một nỗi niềm, một lòng tin cậy, một thái độ cởi mở, mới gọi thành thật. Lời nói chỉ là con đường đưa đến thông cảm, là trung gian, không phải chính là thông cảm. Cho nên Thông cảm đích thực là qua lời nói, hai tâm hồn đối thoại nhìn nhận nhau và kết hợp trong những giá trị tinh thần và luân lý.

Trên lãnh vực khác, Tình Yêu cũng là một hình thức Thông cảm. Yêu là sự phối hợp của hai tâm hồn: tôi là bạn, bạn là tôi, chúng ta là một. Nhưng tình yêu có phải một thông cảm thực sự không? Theo Sartre, không thể có thông cảm dù là trong tình yêu. Khi tình yêu bắt đầu chớm nở trong lòng, tình yêu đó bao giờ cũng là ý muốn được yêu, vì tôi cảm thấy đau khổ nếu người tôi yêu không yêu tôi, nghĩa là tôi chưa được yêu. Do

đó yêu chỉ là muốn được yêu. “Mỗi người muốn được người khác yêu mình, mà không nhận ra rằng, yêu là muốn được yêu, và vì muốn người khác yêu như thế, nên chỉ là muốn người khác muốn yêu mình” (L'être et le Néant trang 444).

Nhưng Tình Yêu thất bại, vì khi tôi làm hết cách để thực hiện dự định đó, nghĩa là làm cho người khác muốn yêu tôi, và khi người khác đã yêu tôi thực sự, thì tình yêu ấy lại làm cho tôi thất vọng, vì rõ ràng người yêu tôi cũng chỉ muốn được tôi yêu. Thất vọng vì thực sự ai cũng chỉ nghĩ đến mình; nhất là khi có người thứ ba xuất hiện. Tại sao có mới nới cũ? Tại sao ghen? Nếu yêu chỉ là nghĩ đến người khác, là tự hiến, không thể có phản bội hay ghen tuông. Sở dĩ phản bội ghen tuông là vì ai cũng chỉ nghĩ đến mình, muốn được người yêu như một vật sở hữu, thuộc về mình.

Tình Yêu tan vỡ, ảo vọng, và con người muốn được yêu đương, sau những cuộc phiêu lưu thất bại, lại trở về cái cô đơn của lòng mình. Nhưng

sở dĩ tình yêu thất bại là vì thái độ khép kín của hai người. Tình yêu bế tắc ở chỗ ai cũng chỉ nghĩ đến mình và hướng về người khác với ý chí chiếm đoạt. Muốn gây một thông cảm đích thực về tình yêu, mỗi người phải cởi mở, sẵn sàng, và cởi mở, mới gọi không phải để chiếm đoạt người kia, nhưng là để cùng nhau tham dự vào một cái gì vượt cả hai tâm hồn: Một lý tưởng, một giá trị tinh thần nào đó. Như thế sự thông cảm đích thực có thể thực hiện trong mọi phạm vi, hoàn cảnh xã hội.

Một tình bạn đích thực không bao giờ phai nhạt sẽ không phải là cái tình xây trên những cảm tình vị kỷ chốc lát của hai người, nhưng là cái tình này nở từ chỗ gặp nhau trong một lý tưởng tranh đấu nào đó.

Tình vợ chồng cũng vậy, nếu lấy nhau chỉ vì những mái tóc, tà áo, nét mặt... nghĩa là xây dựng trên những cái thay đổi, tình yêu đó khó mà tồn tại lâu dài được, chỉ khi nào xây trên những giá trị vĩnh viễn, ý thức về nhiệm vụ, tình yêu vợ

chồng mới bền vững được. Cho nên “yêu nhau không phải là nhìn nhau, nhưng là cùng nhìn về một hướng”, nghĩa là thông cảm đích thực chỉ có thể ở chỗ hai hay nhiều tâm hồn gặp nhau, kết hợp với nhau trong một thực tại khác, vượt mọi tâm hồn.

Người Công giáo tin ở Tín lý các thánh cùng thông công có thể nói không khó khăn gì rằng: chúng ta là con một cha chung. Tình yêu đó đích thực vì là một thông cảm với ơn Thánh. Qua ơn Thánh người giáo hữu gặp anh em mình trong giá trị cao quý nhất: sự tham dự vào đời sống siêu nhiên.

HOÀNG THÁI LINH

TRIẾT HỌC CỦA KANT

NGUYỄN SA

II. SỰ THẤT BẠI CỦA SIÊU HÌNH HỌC.

Con người bởi có lý trí nên không chịu dừng bước trước những hiểu biết nửa chừng. Cảm quan được giúp sức bởi những thể liên nghiệm (*formes priori*) và bởi những phạm trù của tri năng (*catégories de l'entendement*) đã đem lại cho con người những hiểu biết về hiện tượng. Khoa học vốn là một khoa học về hiện tượng nên cũng nhờ thế mà thành công. Nhưng lý trí con người không muốn dừng bước trước những sự hiểu biết về hiện tượng đó. Ta đã biết về cái hiện tượng, cái vẻ ngoài của sự vật đó nên ta khao khát muốn biết các bề trong, cái ẩn tượng

(noumène) của sự vật ra sao. Thống nhất được toàn thể kiến thức, vén được bức màn che giấu cái tuyệt đối đó là những nguyện vọng của lý trí. Nhưng những bề trong, những ẩn tượng mà lý trí muốn đạt tới đó là gì? Đã nhờ trí năng, cảm quan mà con người biết được tương quan giữa các hiện tượng trong vũ trụ, con người còn muốn biết cái lý do sâu xa của vũ trụ, của cõi đời. Biết được cuộc sống là cái vẻ ngoài của con người, ta lại muốn biết về linh hồn, cái lý do sâu xa của cuộc sống đó.

Biết rằng mỗi sự kiện đều có một căn do ta muốn tìm đến cái căn do nguyên thủy có khả năng chi phối, phát sinh ra mọi căn do nhỏ bé khác đó là Thượng đế – Tìm hiểu về linh hồn, về vũ trụ, về Thượng đế là những mục tiêu cốt yếu của lý trí.

Nhưng trước những mục tiêu đó lý trí phải thúc thủ, bó tay bởi vì không có một phương tiện nào để đạt tới. Triết học cổ điển đã thử thách nhiều lần – Siêu hình học đã nhiều lần được

dựng lên. Nhưng tất cả đều đưa đến chỗ suy sụp. Tri năng có những nguyên lý giúp ta biết được hiện tượng – Nhưng siêu hình học cổ truyền đã lấy những nguyên lý của tri năng làm nguyên lý cho lý trí. Siêu hình học lý luận về những sự kiện ở ngoài lĩnh vực thấu triệt được bởi cảm quan. Như thế, cũng như tri năng đã lý luận về những hiện tượng, lý luận về những điều vô hình bằng cách suy diễn từ chỗ hữu hình đến chỗ vô hình. Mà thật ra nguyên lý của tri năng không có một giá trị gì ngoài thế giới của hiện tượng. Vì thế nên tất cả chỉ là một biện chứng hảo huyền.



Trong thế giới hiện tượng chẳng hạn ta thấy rằng mỗi sự kiện thường có những đặc tính của những hiện tượng đó — Những thuộc tính có thể biến đổi, khác nhau nhưng sự kiện vẫn là một — Lý trí căn cứ vào sự nhận định đó để chứng minh tính chất đơn thuần của linh hồn. Triết học cổ điển chủ trương rằng linh hồn vốn đơn giản, duy nhất, bất khả phân và bất tử. Để

chứng minh những đặc tính đó của linh hồn siêu hình học đã căn cứ trên những lý luận lỏng lẻo. Họ lý luận bằng cách: lấy điều ta tưởng rằng thật làm sự thật. Tôi nhận thấy tôi chỉ là tôi mặc dầu quan niệm, tính tình tôi có khác đi ít nhiều theo sự biến đổi của thời gian. Tôi thấy rằng tôi chỉ là tôi, chỉ là một, vậy tôi vốn có bản chất đơn thuần cũng vậy tôi thấy rằng tôi bất khả phân, không thể bị hủy diệt được, vậy tôi kết luận: tôi có một bản chất bất khả phân, bất diệt.

Nhưng siêu hình học cổ điển đã sai lầm. Bởi vì tôi thấy rằng tôi vẫn là tôi qua những biến đổi của thời gian tôi cũng chưa đủ quyền, đủ lý để kết luận rằng tôi vẫn có một bản chất đơn thuần. Điều tôi nhận thấy, tôi căn cứ vào đâu mà quả quyết rằng đó là chân lý. Tôi chẳng nhận thấy rằng trái đất bất động đó hay sao? Thế sao tôi vẫn không được kết luận rằng trái đất quả nhiên là bất động? Vì vậy mặc dầu tôi thấy rằng tôi đơn thuần, bất khả phân, bất diệt, tôi cũng không được kết luận rằng tôi quả nhiên là có một bản chất đơn thuần, bất khả phân và bất diệt. Căn cứ vào những tính chất hiện ra ở cái vẻ ngoài đồ kết

luận về bản chất sâu xa là một việc sai lầm:

Suy từ mối tương quan giữa chủ thể và thuộc tính (sujet et les attributs) của những sự kiện thuộc thế giới hiện tượng đến linh hồn, một ẩn tượng và đặc tính của linh hồn là sự suy diễn sai lầm thứ nhất.

Sự suy diễn sai lầm thứ hai là xuy từ nguyên lý nhân quả phổ quát trong thế giới hiện tượng đến bản chất sâu xa của vũ trụ, cõi đời¹.

Sự suy diễn thứ ba liên quan đến vấn đề Thượng đế. Để chứng minh sự hiện hữu của Thượng đế, lý trí thường căn cứ trên ba chứng cứ: vũ trụ chứng (preuve cosmologique), cứu cánh chứng (preuve téléologique) và thực thể chứng (preuve ontologique). Nhưng Kant nhận thấy rằng hai chứng cứ đầu tiên lại được xây dựng dựa trên chứng cứ thứ ba. Nếu thực thể chứng vững vàng thì cả ba đều đứng vững. Ngược lại nếu thực thể chứng sai lầm thì tất cả đều sụp đổ.

¹ Sự suy diễn thứ hai cũng như những quan niệm luân lý, tôn giáo của Kant chúng tôi sẽ trình bày trong một dịp khác.

Vũ trụ chúng dựa vào thực thể chúng đó là một điều rõ rệt. Vũ trụ chúng vạch cho ta biết rằng Trời sinh ra vũ trụ, bởi vì mọi vật hiện hữu đều có một căn do sinh ra nó vậy căn do của vũ trụ chỉ có thể là Thượng đế. Nhưng Kant hỏi: thí dụ ta tin rằng vũ trụ có một căn do sinh ra nó ta cũng chưa được kết luận ngay rằng: đó là Thượng đế. Bởi vì, như vậy ta đã gián tiếp bảo rằng: Thượng đế là một đấng vạn năng có quyền tạo hóa và tự tạo nên tất hữu. Vũ trụ chúng mới vạch ra một điều: vũ trụ có một căn do chứ chưa chứng minh được sự hiện hữu của Thượng đế. Chứng minh được ý kiến Thượng đế có tài tạo hóa và tự tạo nên tất hữu là điều mà thực thể chúng muốn vạch ra. Nên vũ trụ chúng phải tùy thuộc vào chứng cứ sau này vậy.

Cứu cánh chúng cũng rơi vào khuyết điểm đó. Chúng cứ đó cho rằng: một sự kiện được tạo thành vì một cứu cánh nào đó tức là phải có một người thợ khôn khéo làm việc tạo thành đó. Và vũ trụ ta thấy rằng như được tạo thành nhằm một cứu cánh nào đó. Vậy tất nhiên phải có một

người thợ khéo. Đó là Tạo hóa, Thượng đế. Nhưng nhiều câu hỏi được đặt ra: có thật chắc chắn rằng vũ trụ được tạo thành nhằm một cứu cánh nào đó không? Và nếu có thì có thật chắc chắn rằng người thợ khéo đó phải là Thượng đế hay không? Và khi ta nói rằng có một người thợ khéo tạo nên vũ trụ để hướng nó về một cứu cánh nào đó ta đã đưa vào một ý kiến: Chỉ có một đấng hoàn toàn mới tổ chức được vũ trụ và tự tạo nên tất hữu — Như vậy cũng lại căn cứ trên thực thể chúng rồi.

Nhưng giá trị của thực thể chúng ra sao? Kant trả lời: không có giá trị gì cả.

Chúng có đó vạch ra rằng: Thượng đế là một đấng vạn năng, hoàn toàn. Mà sự hiện hữu là một điều hoàn hảo. Thượng đế toàn thiện, toàn mỹ, vạn năng vậy phải có hiện-hữu-tính. Ất phải có Thượng đế, cũng như những tính chất của tam giác đã nằm trong khái niệm tam giác. Nhưng hiện hữu, Kant bảo rằng không phải là một sự kiện toàn. Một người điêu khắc hình dung một bức tượng. Hình dung từng chi tiết, không thiếu

sót một tí gì. Hình dung đó là một hình ảnh tuyệt đẹp. Khi bức tượng được tạo thành nó có đẹp hơn hình ảnh bức tượng trong đầu nhà điêu khắc hay không? Tất nhiên là không. Vậy thì sự hiện hữu của bức tượng làm cho nó hoàn toàn hơn hay kém, cũng không sinh ra tính chất hoàn toàn. Cũng vậy ta không thể bảo rằng Thượng đế hoàn toàn vậy có Thượng đế vì hiện hữu là một sự hoàn toàn.



Như vậy siêu hình học không thể là một khoa học. Những chủ trương cho rằng ta có thể biết một cách khoa học bản thể sâu xa của con người, bản chất sâu xa của vũ trụ và chứng minh được về sự hiện hữu của Thượng đế như những chứng minh toán học đều được xây trên ảo tưởng. Ảo tưởng về giá trị của phương pháp và lý luận siêu hình. Cái tuyệt đối ở ngoài phạm vi hiểu biết của ta. Những thể tiên nghiệm của cảm quan và những nguyên lý của tri năng giúp ta biết được một cách chắc chắn, khoa học những hiện tượng

bởi vì hiện tượng vốn biết được, có đưa điều kiện để biết được. Nhưng nếu vượt ra ngoài biên giới của hiện tượng, đi sâu vào thế giới của bóng tối, của ẩn tượng những hình thể, những nguyên lý đó sẽ hoàn toàn thất bại.

Giải đáp cho câu hỏi đầu tiên “ta biết được gì” của Kant thật là rành mạch, rõ ràng. Ta xây dựng được một lâu đài toán học nhờ những phê phán tổng hợp và tiên nghiệm, những thể tiên nghiệm của cảm quan. Ta biết được một khoa vật lý cũng nhờ những thể tiên nghiệm đó và cũng nhờ những nguyên lý của tri năng. Đó là những kiến thức chắc chắn —Nhìn vào kết quả ta thấy không thể rơi vào hoài nghi chủ nghĩa được. Nhưng ta cũng không được quên rằng tuyệt đối, ẩn tượng ở ngoài phạm vi hiểu biết của ta. Ta không có đủ lý luận, kinh nghiệm hay một phương tiện nào giúp ta đạt tới cả. Muốn thành thật, ta phải nhận rằng ta chưa biết gì cả.

Không biết gì về những điều tuyệt đối, con người có vì thế mà trở nên bơ vơ, lạc lõng hay không? Kant trả lời: không. Không biết một cách khoa học những vấn đề siêu hình, ta vẫn được quyền tin ngưỡng. Thế giới hiện tượng ta biết được và ta biết rằng hiện tượng bị chi phối bởi định luật, bởi quy luật chặt chẽ của quy định thuyết (determinisme). Nhưng, ở thế giới ẩn tượng những định luật đó sẽ vô hiệu. Ta có thể không bị chi phối bởi định luật nào cả. Tự do của ta được bảo vệ tuyệt đối. Không chứng minh một cách khoa học được những vấn đề siêu hình ta có quyền chọn lựa, có quyền tin tưởng. Có những tin tưởng có xây dựng và đáng được truyền giảng hơn những tin tưởng khác. Cũng vì thế trong những sách vở về luân lý học và tôn giáo của Kant, nhà triết học Đức đã nói lên tính cách khả kính của những bốn phạm đạo đức và sự hiện hữu cần thiết của Trời. (2)

NGUYỄN SA

ĐÁM CƯỚI

TÔ THÙY YÊN

Sau mỗi hành động cuồng nhiệt tham dự lịch sử, tôi lại trở về ý nghĩ tầm thường mà chua xót: hạnh phúc gia đình.

Ngày Phan cưới Thy, tôi có đi dự. Họ yêu nhau từ thuở còn là học trò. Mỗi tình êm thấm, không có chi tiết đáng kể. Tôi thường nói đùa rằng đến ngày cưới, tôi sẽ đi mừng một bộ tam ban triều điển. Trong buổi tiệc, tôi theo dõi sự hoan hỉ của mọi người. Tuyệt nhiên tôi không có cảm giác. Tan cuộc, cặp tân hôn ân cần tiễn tôi ra cổng. Lúc Phan bắt tay tôi — Phan giữ lấy một hồi — tôi gặp một thoáng ái ngại ở Phan. Và tôi ân hận đã có bộ mặt trầm tĩnh trong cuộc vui.

Phan nhìn con đường vắng người, sâu hun hút — mười một giờ rồi —, nói:

– Chà, cậu phải về xa quá!

Tôi làm thình, giữ kín sự đồng ý cho thâm tâm. Tôi về nhà theo con đường vắng người, sâu hun hút đó. Tôi cúi nhìn mũi giày và những viên gạch lát tròn trĩnh của bờ hè. Những gốc cây lù lù, thâm nín, buồn bã. Bấy giờ, tôi mới tủi thân và đau đớn.

Cảm giác đó, tôi vẫn gặp lại trong những đám cưới của những người bạn thân. Hiện vài người đã có con. Họ dắt chúng đi chơi phố những chiều thứ bảy. Giáp mặt họ, tôi chào hỏi qua loa rồi bao giờ cũng tìm cách lẩn tránh ngay. Tôi vẫn biết làm như vậy là vô lý, đáng trách. Trời chạng vạng khi buổi họp mặt anh em bế mạc. Tôi ngồi nán lại một hồi. Tôi muốn đi bách bộ trên những vỉa hè có cây to khỏe và bóng tối. Những con én cuối cùng nhả những tiếng kêu thất thanh. Sao bắt đầu mọc long lanh sau lớp sương mù mỏng. Tôi hút rất nhiều thuốc lá, điệu này tiếp điệu khác. Khói

phả vào thân thể tôi cảm giác mệt mỏi thích thú. Con đường vắng tanh, có bề sâu.

Tôi đi sát ngang một ngôi nhà có đèn, chỉ còn mở cửa sổ. Ý chừng người ta muốn cảm hạnh phúc ở lại. Cả gia đình quây quần chung quanh mâm cơm. Tôi thoáng nghe những tiếng nói hiền hậu thân thuộc. Tôi thêm quá đổi cái không khí êm đềm, ấm hơi cơm và ganh tị với gia đình đó. Tôi muốn quên hẳn những lời vừa rồi của Thạch. Đôi khi, tôi muốn quên hẳn những lời tương tự. Sự tham dự của người cầm bút có cần thiết gì cho tôi chứ?

Và lại lịch sử không có người chiến thắng. Và cuộc chiến đấu sỗ dĩ còn dang dở đòi đòi kiếp kiếp là vì sự bạo tàn dù sao vẫn có ở trong ta. Nên tôi muốn bỏ hẳn những trách nhiệm lớn lao — mà tôi cho là mình phải cáng đáng — để trở về hoàn thành những dự định tầm thường bé mọn. Tôi đã ân hận nhiều về sự lẩn tránh hèn nhát của tôi trước những đòi hỏi cấp bách của gia đình. Em gái tôi đã thôi học vĩnh viễn. Chiều hôm qua

tôi lo nó phải òa khóc khi mấy cô bạn cùng lớp đến hẹn giờ đi nhập học sáng hôm nay. Những người bạn đường của tôi trong buổi họp mặt vừa rồi biết thế nào được tâm trạng tôi sáng hôm nay khi đi ngang một trường học vừa khai giảng có những dãy tường, khung cửa mới tinh khôi và những bờ cỏ hoa vẫn còn nguyên nếp xén?

Tôi định bụng sẽ tâm tình với Thạch về thời niên thiếu của tôi để kết luận rằng một người lỡ mang nặng kỷ niệm — một khách đa tình — thì khó lòng chạy xa được. Sự dày vò, ân hận là chất của hấn.

Lần yêu đầu tiên, tôi bạc đãi ái tình và định mệnh không chịu chuộc tôi thêm nữa. Đã bốn năm rồi. (Hiện tôi còn ai, để có thể ngỏ rằng thời gian thấm thoát?) Tình yêu, con gái — theo ý tôi thời bấy giờ — chỉ dành riêng cho lớp trưởng giả. Tâm tưởng tôi còn lưu giữ hình ảnh một thiếu niên đọc Marx trong sự thiếu thốn hàng bữa của gia đình, giữa sự khinh miệt của họ hàng giàu có và trước sự quyến rũ của kỷ niệm mấy năm

tản cư. (Người chú quá cố của tôi viết cho cháu: “Ta sinh ra không phải để làm đây một vai trò đã được quy định sẵn mà chính để sửa đổi hoàn toàn cái vai trò đó. Chú chưa đọc Marx. Chú không muốn đọc thêm Marx. Chú đã hấp thụ được tinh thần chiến đấu trong sự khốn cùng hèn hạ của một giai cấp.” vài giờ trước khi tình nguyện xông cướp một đồn binh hiểm trở).

Nên tôi ném Mai — một đứa con gái nhà giàu sang — ra khỏi tâm hồn, dọn chỗ trống cho mỗi cảm hờn được nuôi nấng bằng lòng thương yêu những người cùng cảnh ngộ. Ngày nay, tôi nhận thấy sự nhầm lẫn đó với một ý nghĩ cay đắng: tôi lỡ đi qua đời tôi, nhắm mắt. Mai đã lấy chồng và có con. Nghe đâu nàng không mãi nguyện với cái căn phần đó.

Ngõ vào xóm, chuỗi trút xuống một vũng bóng tối, bắt đầu mùa lầy lội. Giày thủng đế, tôi nghe nước bùn thấm vào tất rinh rích. Tôi kéo cao ống quần, dò dẫm bước. Máy khâu thanh lân cận lùa vào tâm tư tôi giọng hát của một nữ ca

sĩ quen biết. Thường khi gặp nàng, tôi tỏ vẻ khinh ghét — tôi không rõ vì sao — nhưng lúc này giọng hát của nàng có một ý nghĩa riêng biệt.

Cả nhà đã cơm xong. Tôi cởi áo quần, máng cần thận lên dây kềm. Bộ đồ này lại sắp rách. Hôm trước em tôi đã mạng lại cái cổ sờn. Tôi ngồi vào bàn. Mặt bàn rộng như trang giấy còn trắng. Em tôi dọn cơm, cho biết buổi chiều có Lan đến thăm tôi. Tôi mơ màng nhìn ra trước sân đen sánh. Những bụi cây lùm lì như chặn đứng hản ánh đèn của vuông cửa. Tiếng đĩa bát khua chạm buồn buồn bên lảng giếng. Rồi tiếng nước dội ào ào khỏe khoắn. Vải đĩa nhỏ cầm đèn đi tìm một con vịt chưa về chuồng. Chúng nó gọi nhau ới ới, mấy lần mừng hụt. Tôi ăn; tuyệt nhiên không có cảm giác. Má tôi bàn với em tôi về một chuyến đi buôn xa với một người dì. Còn tôi thì định bụng có dịp gặp Lan, tôi sẽ nói rõ với nàng một điều. Điều đó, tôi cũng nói rõ với Thạch.

TÔ THÙY YÊN

BÀI THƠ NGẮN

Anh làm một bài thơ ngắn

riêng cho em

để xóa một câu truyện tâm thường:

những đời người đã cũ!

Vì tất cả những gì nguyên lành

đều xây trên một chút gì đổ vỡ

nên anh chỉ bảo em:

những câu hỏi:

tất cả tại sao?

50 | Sáng Tạo số 12 _ 09.1957

vẫn có một vì sao lòng mình không đến được

và những câu hỏi

tất cả tại ai?

vẫn chỉ có nghĩa là tan vỡ!...

nên anh chỉ làm bài thơ rất ngắn

Bài thơ rất nhỏ

của đôi mắt khẩn cầu:

em đừng rút bàn tay em

ra khỏi bàn tay anh

như người ta rót hết nước trà

để lại chiếc ấm không trong một lần ấm rõ!

dù quanh chúng mình chỉ là những hàng rào đổ ky

giữa một đêm không trăng

giữa một lòng chiều không có đáy

em đừng khóc làm gì

cho nước mắt vu vơ

dù đôi tay buông xuống

chúng mình vẫn tin tưởng

chúng mình vẫn say xưa

chúng mình vẫn nhìn vào mắt nhau

để mở một chân trời rất rộng!

NGUYỄN SA

TRẮNG

Về trong mây trắng giữa trời cao vời vợi

Về trong áo trắng những mắt nhìn rưng rưng

Đó là những ngày về hương lửa

Những mùa xuân bất khả hoa mừng

Những mùa thu đứng lại nửa chừng

Những lá khô chờ gió heo may

Chỗi dậy

Đó là những ngày về trong trắng

Những mùa đông dài chợt hứng ánh nắng

Khô ráo đường vòng hoa cỏ chen vui

Hay về mỗi cạn chén rượu mùi

Nằm yên lặng hồn nhiên trong giấc ngủ

Đỏ là những ngày về vô tận

Như giấy trắng chưa một lần viết trọn bài thơ

Anh sẽ về dù chỉ để làm thơ

Hay trọn những danh từ trong lòng dây từ điển

Hay đếm những đốt ngón tay trở về ngày tháng

*Kiểm những tờ lịch trút dần của những thuở xa
xưa*

Những đốm lửa tàn trong một đêm mưa

Uớt lạnh

Đỏ là những ngày về thần thánh

Trắng như chim câu cửa ngõ hòa bình

54 | Sáng Tạo số 12 _ 09.1957

Trắng như làn da mặt hiện nguyên hình

Trắng như áo em ngợp trong trời nắng hạ

Trắng như tờ giấy ngỏ lòng chờ mới lạ

Của cánh thư nào anh sẽ gửi cho em

SAO BĂNG

MỘT MÌNH

từng chiếc gai trắng

xuyên qua linh hồn nhỏ

tôi đi lên đồi vắng

vết thương đầy hình hài

bước chân nghe nặng nhọc

bóng quẩn lấy mình

trắng trải sâu cô độc

nước nở đêm thần linh

sáng trời khuya lạnh lẽo

thăm thăm vô cùng

56 | Sáng Tạo số 12 _ 09.1957

không một âm thanh reo

ngoài tôi dùng đứng

tôi đi trên đôi vắng

lê cuộc đời lê dương

Thượng đế ơi! Cô quạnh

linh hồn con độc hành!

THỦY THỦ

KHUNG CỬA — GIÒNG SÔNG

Khung cửa biếc nhìn lên vòm trời

Giống sông dài mênh mang cánh võ

*Em thấy hoa lá những mùa qua đi – trăng tròn
một thuở – tiếng ca của kẻ tình nhân – lặng lẽ em
cầm một trái cây cắn vỡ – mùa xuân ngọt ngào
dậy thì trên ngành mi bỗng khép*

*Sao anh lại nhớ và nhắc lại làm gì – khi chiếc ghế
không còn nằm nguyên chỗ cũ – bàn tay vô tình
nào nhắc đi – không để dấu bụi của thời gian.*

*Bóng cây cổ thụ – ánh mắt sao dài – anh yêu màu
hồng hoang trên má – tiếng nói không lời – tự
nhiên khơi vơi nỗi niềm thương tiếc*

*Bàn tay náu không gian – ngón tay đan thành phím
dương cầm – bật máu lời thơ chưa viết*

Dang dở là cuộc tình duyên những kinh thành nổi loạn — anh ngủ mê trên đỉnh kim tự tháp — hơi thở mặt trời — sa mạc kín bùng — từng biển cát quàn lên thân thể

Không nhớ làm gì không nhớ làm gì vốc nước suối trong — vì sao đêm dù đã về thướt tha những vuốt xanh êm

Anh uống những sợi kim xanh cho linh hồn đỏ lửa — cào cấu những vòng gai tâm can — đau một niềm đau của Budapest

Kẻ bộ hành nào đang đi — quần quai dấu chân lạc đà — vời xa cát trắng

Không còn hàng dừa xanh lưu ly bóng nước

một đốm lửa hay một mảnh trăng vô tình

không một giọt lệ nào vương trên má

một vành xe lăn trên đường

*Nếu có đi về tận vô biên hãy đừng nhớ mang chi
hành lý — thân thể nặng rồi*

vì không ai nhớ gì

vô ích

Khung cửa biếc ngó ra ngoài trời

*ăn một trái cây — em vẫn nhìn giòng sông dài
mênh mang cánh vồ.*

DUY THANH

NGƯỜI LỮ KHÁCH TRONG THÀNH PHỐ CHÚNG TA

NGƯỜI SÔNG THƯƠNG

 Cho đến bây giờ tôi vẫn còn phân vân không biết gọi nhân vật của tôi như thế nào: gọi là cô không thôi hay phải thêm chữ “bé” nữa. Nói về vóc người tất nhiên cô không bé mà còn vượt tầm người lớn nữa: mình dài, cẳng dài trên một cái xe đạp đàn bà cũ lùn tịt. Ác một cái mặt cô non choẹt chỉ vào hàng nữ sinh đệ lục hay đệ ngũ là cùng, nghĩa là bất quá mười lăm mười sáu tuổi đầu.

Tôi đã để ý tới cô bé ấy từ hôm tôi dọn nhà tới đây. Tôi đang trông coi cho người nhà khuân

vác đồ đạc thì cô bé dắt xe đạp đi ngang qua, lụp xụp trong một chiếc nón lá quai đen. Phải nói rằng ở cái phố cũ, không buôn bán và ít người qua lại này việc một người dọn nhà đến hay đi là một “biến cố” khá lưu ý con mắt của nhiều người tò mò hay không.

Cô bé lách xe một cách rất lẹ làng thành thạo qua những chông bàn ghế thúng mủng ngổn ngang trước hè. Cô không nhìn một ai hết kể cả đứa con gái lên ba của tôi, rất ngộ nghĩnh, nó đang ôm một con vịt cao su to gần bằng nó và đang nhong ếp trên một con ngựa gỗ giữa lối đi. Nhìn cái áo tơ mưa mỏng gấp gọn gàng chặn trên hai quyển vở nhàu để sau xe, tôi nghĩ: “Chắc cô ả này đang lo một bài học chưa thuộc hoặc một bài làm chưa xong đây!” Và tôi bỗng thấy vừa thương lại vừa giận cho cái lối học cố sống cố chết, nhiều khi trong những điều kiện tối tăm nhục nhã của bao người chung quanh tôi.

Chỉ một tuần lễ sau tôi đã thấy lời phỏng đoán của tôi là vô căn cứ: “Chẳng lẽ con bé lại ở trong

một tình trạng thường xuyên lo bài vở hay sao?” Vì cái điệu ngơ ngác của cô bé không những chỉ có đối với việc tôi dọn nhà đến, mà còn thấy đối với hết thảy, với nắng mưa của đất trời, với khóc cười nhân thế. Lạnh lòng ra đi, lạnh lòng trở về, cái nón lá luôn trên đầu, cái áo mưa lúc nào cũng gấp, cô bé hầu như gửi hồn ở tận đâu đâu. Thậm chí những lúc đi về chạm trán với các cô chị riu rít như chim sẻ, cô bé cũng không buồn nhìn, cười, nói hay làm một cử chỉ nhỏ nhặt gì gọi là chứng tỏ mối dây liên lạc.

Muốn đi ra đại lộ cô bé phải ngang qua nhà tôi. Tôi nghiệm thấy cô khởi hành vào tất cả mọi giờ trong ngày: sáng sớm lúc công chức đi làm, nửa buổi khi các bà đi chợ, giữa trưa khi mọi người sửa soạn đi ngủ, buổi chiều lúc các người văn nghệ đi chơi, buổi tối khi thành phố bắt đầu cuộc sống ban đêm của nó. Tôi tự hỏi: “Không biết cô bé đi những đâu mà đi lăm thế?” Và tìm những câu trả lời: “Hay là cô vừa đi học vừa đi làm? Không có lẽ! Tuổi cô thì ai mượn? Hơn nữa nhà cô khá giả, cả phố ai cũng biết điều đó. Ông

thân sinh ra cô thuộc vào hàng quan lại cũ, vẫn còn đi làm. Cô có những người anh ở bên Pháp. Và các chị cô, — hai cô tầm thước, ăn mặc rất sang, kiêu rất mới, đều đi làm cho một cơ quan ngoại quốc và đều chưa có chồng, điều không khỏi làm ngạc nhiên bà con hàng phố. Vậy thì cô bé chỉ có thể là học sinh. Và những buổi đi về siêng năng của cô tất phải là: sáng trường công, chiều trường tư, tối lớp riêng. Còn những lúc khởi hành nửa buổi thì thiết tưởng trường công hay trường tư thiếu gì những chỗ bất thường trong thời khóa biểu?

Nhưng chỉ ít lâu sau tôi lại thấy lời suy đoán này, của tôi cũng bấp bênh nốt. Cô bé vẫn ra đi như thường lệ vào cả những ngày chủ nhật, ngày lễ, ngày cúng giỗ linh đình ở nhà cô. Nghĩa là không những cô bé ra đi không kể giờ mà còn khởi hành không kể ngày nữa. Kìa, trông cô bé: vẫn cái điệu “khứ hồi” không vội vàng, không chậm chạp, cái mình dài trong chiếc áo thụng xù xúa, đôi chân dài trong chiếc quần trắng cháo lòng, bộ mặt non choẹt thấp thoáng trong vòm

bóng tối nâu của chiếc nón lá quai đen, cái áo mưa gấp gọn gàng chặn trên hai quyển vở để ở đằng sau cái xe đạp đàn bà cũ lùn tịt.

Có một thời cô bé đã trở nên đề tài cho một câu chuyện kéo dài trong gia đình tôi. Không ai thỏa thuận được với ai về cái công tác và niên số của cô bé. Nhà tôi tặng có đủ thứ biệt danh: cô lêu đêu, cô sếu vườn, cái hạc thờ, cái sào biết đi.... U già gọi đùa cô là “bà nội” và bình luận: “Chẳng bù với các cô chị. Người ta giàu con út, khó con út!” Con bé nhà tôi thì gọi U già làm chứng: “Lớn lên em cũng đi xe đạp như chị ấy cho U xem!”

Về lâu, câu chuyện đó cũng qua đi lần lần. Ai chẳng có công việc riêng để theo đuổi? Gia đình tôi, cũng như bà con hàng phố còn lại, hầu như quên hẳn sự hiện diện của cô bé trong cuộc sống hằng nhật của họ. Nhưng chính lúc câu chuyện rơi vào lãng quên ở chung quanh là lúc nó bắt đầu chiếm một khoảng ý nghĩ của tôi. Tôi thắc mắc rất nhiều về cái mà tôi gọi là “trường hợp cô bé”, và đặt ra không biết bao nhiêu câu hỏi về cô.

Một hôm có việc đi thăm một người bạn ở Gia Định, qua một đường phố rợp bóng cây, tôi bỗng chú ý tới một dáng người đi xe đạp sát lề đường. Chẳng đợi phải tới gần, tôi nhận biết ngay đó là nhân vật của tôi với cái nón lá lụp xụp, cái lưng dài, cái điệu đạp xe chân chữ bát chấm đất, không chậm chạp, không vội vàng. Tôi bảo người lái xe đi chậm lại khi ngang tầm cô bé. Tôi chăm chú nhìn xuyên qua vòm bóng tối dưới chiếc nón lá để tìm gặp đôi mắt của đối tượng. Và tôi đã thất vọng như hằng thất vọng: nhân vật của tôi nhìn thẳng trước mặt như không hay biết chuyện chung quanh.

Thế là trí tò mò bị kích thích mạnh, tôi nhất định khám phá cho ra niềm bí mật của cô bé láng giềng. Dịp may đâu bỗng dẫn tới. Người ta truyền chuyển tôi từ một cơ quan đứng yên sang một cơ quan lưu động. Tôi được cấp một chiếc xe “jeep”. Tôi xin cho được tự cầm lái lấy, nghĩ rằng như thế có giúp ích gì chẳng cho việc tìm hiểu cô bé. Công tác của tôi là một công tác kiểm soát xe địch khắp bảy quận đô thành. Thành ra, lúc này

tôi đang ở thương cảng mà một lúc sau rất có thể các ngài thấy mặt tôi ở Tân Sơn Nhất, Phú Lâm, Khánh Hội, Thị Nghè hay Gia Định.

Chỉ một hôm sau ngày nhận công tác mới đó, sự thắc mắc của tôi biến thành sự kinh ngạc: trên khắp các nẻo đường đô thành, bất kỳ đi tới một địa điểm nào, vào bất luận một giờ nào, tôi đều chạm trán với nhân vật của tôi. Có lúc tôi nghĩ: Hay là con mắt của tôi đánh lừa chính tôi? Hay là có một cô bé nào khác cũng giống hệt như cô bé láng giềng của tôi? Không có lý! Người ta rất có thể giống nhau về khổ người, về gương mặt, nhưng còn cách ăn mặc, việc làm và tập quán? Hơn nữa, mắt tôi khó thể lầm được: tôi nhận rõ cái đôi guốc sơn xanh vệt gót, cái lối đạp xe chữ bát bằng gót chân của cô bé láng giềng mà! Vậy thì: “Hỡi nhân vật kỳ dị của tôi ơi! Người đi đâu mà hiện diện khắp nơi, coi nhỏ cả cái đô thị rộng lớn của tôi này?” Nói một cách cầu kỳ như thế xong xuôi, tôi vẫn không quên tìm các cách giải thích: “Chắc là cô nàng công tác thu tiền hộ cho mẹ! Bà cụ chỉ cần cầm bốn hay năm bát là đủ để

làm bạn cô con suốt tháng! Bằng không thì lại chuyện cho vay nợ lãi... Cũng có thể là chuyện cho thuê nhà...”

Tuy nhiên, tôi vẫn thấy không thỏa mãn với những lời giải thích đó. Tôi muốn chính mắt tôi trông thấy việc làm của cô bé trước khi đưa ra kết luận về cô. Sau cùng tôi quyết định cất công nghỉ việc một ngày theo dò cô bé một cách khoa học, nghĩa là sẽ không rời cô một bước và bắt đầu bằng chuyến khởi hành thử nhất trong ngày của cô.

Buổi sớm mai hôm đó trời làm mát mẻ và ngày tỏ ra những dấu hiệu tốt lành. Trời cao xanh với vài đọt mây trắng nhẹ nhàng bay. Gió thổi điều hòa. Những tia nắng vàng, chắc, long lanh chuỗi trên những vòm cây trước nhà.

Mọi việc đã được xếp đặt từ tối hôm trước: lấy thêm điện vào bình điện, xem xét lại máy, đổ thêm xăng, nước vào bình chứa cho cái xe của tôi. Sáng tôi dậy sớm hơn mọi khi, bận quần áo gọn gàng, ăn điểm tâm xong, chờ bên cửa.

Tôi không phải đợi lâu. Tiếng xe đạp lách cách dắt ngang qua nhà. Tôi mở cửa bước ra hè. Cô bé đã ra đến gần đại lộ. Sau khi nhận rõ cô bé lên xe quẹo tay trái, tôi nhảy lên chiếc “jeep” của tôi mở máy.

Bây giờ tôi đang ở con đường lớn chính vắt ngang đô thành. Xe tôi chạy sát hè đường, tay phải. Cô bé đi trên lề đường, chỗ dành riêng cho xe nhỏ. Tiếng máy phóng thanh nhà ai lớn tung điệu nhạc chào cờ buổi sớm. Phố xá hãy còn lác đác người: một số công nhân đi làm, vài người bán quà rong, dăm người đàn bà lấy nước ở góc đường, vài chiếc xe vệ sinh đô thành chạy chậm...

Chúng tôi tiến vào khu trung tâm thành phố. Một người cảnh binh sửa soạn làm việc. Mấy người nâu sồng còn đang ngái ngủ trên những chiếc ghế vườn hoa trước chợ. Tôi như đoán biết hành trình của cô bé, cho xe quẹo theo: nhân vật của tôi đi về lối bờ sông, cách tôi một quãng ngắn.

Nắng chan hòa đổ trên mặt nước sông loang loáng chảy, làm ngổ ngàng con mắt của tôi một vài giây. Ở đây hoạt động của dân cư có vẻ tấp nập hơn. Những thủy binh lanh lẹ lau rửa sàn tàu. Một vài kiện hàng được bốc sớm. Một chiếc tàu đi sông sửa soạn khởi hành. Tiếng còi vang lên, vọng đi xa.

Cô bé của tôi vẫn dài đôi chân ra đạp xe đều đều trên khoảng hè đất đỏ lẫn vào bến sông rộng, bên những cột đèn cao. Hình như cô đang đi chậm lại. Khấp khởi mừng thầm, tôi thắng vội xe tiến lên gần cô. Thì ra tôi lầm, cô tránh mấy vũng nước mưa ngày hôm qua ở bên đường thì đúng hơn. Có không dừng lại cũng chẳng tạt vào đâu như mong muốn của tôi. Trong lúc vội vàng tôi lỡ để xe tôi vượt cô bé. Tôi xuống sổ cho xe đi chậm lại mà lòng vẫn ngay ngáy sợ lộ hình tích theo dò. May làm sao, tôi thấy cô bé đường hoàng nhìn xuống đường trước mặt, không hay biết sự xáo động của tôi. Bây giờ cô đã trở về tốc độ cũ, và tôi đã lại ở đằng sau cô.

Chúng tôi tới một khách sạn lớn đầu một phố ra sông. Cô bé vẫn cho xe đi thẳng. Chúng tôi vượt những khu nhà lớn, trụ sở tham mưu hải quân. Một vài thủy binh đuổi nhau băng qua đường, la lối om sòm. Không biết vô tình hay hữu ý một người chạy xô ngay vào trước mũi xe cô bé. Không hề bối rối, cô lượn xe đi vòng tránh được. Người thủy binh lộ mũ ra, cười và cúi chào xin lỗi rất duyên dáng trước sự lạnh lùng không hề bị khích động của cô bé.

Chúng tôi rời bờ sông, ngược một con đường rợp bóng cây và vắng tanh bóng người. Tiếng xe lách cách đập của cô bé nhịp với, tiếng máy xe nổ nhẹ của tôi. Tôi nghe cả thấy tiếng chim hót trên đầu và tiếng gió chạy xì xào trong lá cây. Nắng đổ từng mảng xuống đường hay hắt vào những khoảng tường nhà cũ loang lổ.

Chúng tôi tới một phố đông đúc người và xe. Thành phố đã thức tỉnh trọn vẹn. Chúng tôi qua một vài trường học ở những phố vắng hơn. Từng đoàn học sinh nam nữ vui vẻ đến trường. Một

lần tôi xuýt mất dạng cô bé. Tôi nghĩ: “Có lẽ cô nàng vào học cái trường bên tay phải, trước mặt rồi. Và như thế thì cái cuộc la cà dài vừa qua của cô chỉ là một thứ đi chơi mát buổi sớm, một lối tập thể thao trá hình thôi!” Nhưng không, tôi đã lại thấy bóng cô bé thoát khỏi đám đông đang tiến ra ngoại châu thành. Tôi vừa mừng vừa giận cho xe đuổi theo.

Những phố trống tiếp sau những phố trồng cây, những phố đông tiếp sau những phố thưa người, những cầu, những chợ vượt qua, chúng tôi bước sang địa phận Gia Định. Tôi chờ đợi một biến cố không xảy ra. Những bà nội trợ lục tục về chợ. Những chiếc xe ba bánh chở đồ nặng nề lặn. Một vài chiếc xe chở đầy hành khách bon bon vượt xe tôi. Nắng vẫn lên đều, nghe như có bước ngày chuyển dịch trong gió.

Chúng tôi đã vòng xe lại trên một con đường khác trở về đô thành. Sự chú ý của tôi đã bắt đầu của nhụt. Tôi không nhớ rõ những cảm giác của tôi lúc bấy giờ. Tôi vẫn giữ bánh lái cho xe chạy

đều. Bóng cô bé với chiếc áo dài trắng đục, cái nón lụp xụp, cái lưng dài uốn cong trên yên xe thấp thoáng trước mặt tôi, khi đậm khi nhạt trên con đường thăm thẳm chợ chồn bóng cây và ánh nắng.

Bỗng tôi nhận ra cô bé dừng xe lại trên hè cỏ, nơi có một con đường đá nhỏ queo vào thôn xóm. Tôi vội vàng dận máy hãm. Chiếc xe đậu lại, kêu rít lên. Cô bé đang cúi húi làm gì bên chiếc xe đạp của cô nên không hay biết. Tôi nghiêng đầu nhìn ra. Và tôi đã thở dài ngao ngán thất vọng. Thì ra biến cố chờ đợi chỉ là cái công việc tầm thường kia: cô bé đang rón rén ngón tay lắp cái xích vừa tuột ra khỏi đĩa. Tôi buông thông tay khỏi bánh lái xe, ngả lưng vào đệm ghế, liếc mắt nhìn một vòng trời. Tôi lấy một điều thuốc lá trong túi ra, đốt lên, hút phì phèo khoan khoái. Hơi thuốc là đầu tiên trong ngày của một kẻ nghiện nặng lại nhằm vào nửa buổi, trong khi chờ đợi cô bé sửa xong cái xích xe đạp của cô! Tôi tự an ủi: “Trăm bó đuốc thế nào cũng vớ được một con ếch! Biết đâu hồi sau sẽ không phân giải, mà lại phân giải to?” Và đành lòng đi theo cô bé.

Nhưng rồi hồi sau vẫn chưa phân giải gì hết. Chúng tôi song hành với nhau như thế lâu lắm hết đường này qua nẻo khác. Nắng đã trở nên gay gắt. Chim không còn ca hát ở trên cành. Bóng người kỳ nữ áo trắng đã hơn một lần chuyển hướng trên mặt đường, đích du lịch vẫn không đạt tới. Tôi bắt đầu khâm phục cái sức dẻo dai của cô bé. Cô đi như thể không ngừng nữa, không la cà, không vội vàng, thản nhiên như một nhà hiền triết, nhẫn nại như một người thợ cưa. Tôi không còn nhận biết rõ đã đi qua những khu phố nào của đô thành. Có lúc khát nước khô cổ, tôi chỉ mong cho cô bé tuột xích một lần nữa để có cơ hội kiểm chút nước mía bên vỉa hè. Rủi thay, hạnh phúc cón con đó cũng không tái diễn. Tôi mệt mừ cả người như trong một cuộc du lịch lớn, đầu óc hỗn loạn những ảnh tượng bóng cô bé trắng, ánh nắng vàng, vòm cây đen...

Sau cùng có tiếng xe đạp dắt lách cách, tiếng trẻ con reo “A, a! Bố về”, tôi tỉnh mộng: thì ra chúng tôi đã trở lại khởi điểm, nghĩa là đã về đến nhà. Chuông nhà thờ uy nghiêm buông 12 tiếng.

Tôi bế con cháu bé vào trong nhà mà không thiết trả lời những câu hỏi dồn thường lệ của nó. Tắm rửa thay quần áo xong xuôi, tôi đánh một cốc sữa lớn lấy sức, không ăn cơm. Tôi đến ngả lưng trên một chiếc ghế vải, lấy thuốc lá ra hút. Câu chuyện cô bé lại trở về đầu óc tôi. Tôi nghĩ: “Dầu sao cũng phải theo dò hẩn cho trọn ngày, nhiên hậu mới yên tâm được. Rất có thể một lý do, một dấu hiệu nào đó đã ngăn cản hẳn thi hành công tác”. Tôi ra ngoài sửa soạn lại xe cho một cuộc du lịch mới.

Buổi chiều, chúng tôi khởi hành vào hồi 1g30. Ra khỏi đường hẻm, chúng tôi quẹo tay mặt, đi về phía Tây. Nắng ở độ già trắng trong chan hòa giải trên phố xá. Bóng cây ôm lấy gốc. Một vài chiếc xe nhà binh âm âm chạy mau, tung bụi. Đây đó có những người im lìm ngủ dưới mái hiên, trên những chiếc ghế bố hay trên bậc cửa trảng xi măng. Trong một quán cà phê, một bọn người mặt đỏ gay còn đang kéo dài bữa ăn trưa tưởng như bất tận.

Chúng tôi rẽ tìm một con đường cây cỏ bờ cỏ liền mặt đường. Bóng là từng chùm kéo hội trên nón, trên lưng cô bé. Cái chần bùn bánh hậu của chiếc xe đạp rung rung nhưng không lay động mạnh, chiếc áo mưa gấp gọn gàng chặn kỹ trên hai quyển vở nhàu bằng một cái nịt cao su lớn. Cũng như buổi sáng cuộc hành trình của chúng tôi diễn ra đều đặn bình thường không biến cố một thời gian rất lâu. Thực ra thì cũng phải nhận rằng tôi đã trở nên bình tĩnh, tinh khôn vì quen việc hơn ban sáng. Tôi không hấp tấp thắng xe lên, dừng xe lại, và nhất là tôi không nhầm lẫn nữa về những chỗ bất thường không chú ý trong điệu đi của cô bé: cái xe tuột xích, cô tránh một vũng bùn, một tảng đá, một người khách bộ hành lơ đãng; cô do dự một vài giây ở ngã ba đường; một đám đông làm tôi mất dạng cô trong ít phút.

Phổ lại tiếp phố, đường nối đường. Đô thành trở về nhịp sống cũ từ lâu. Một chiếc cổng xe lửa vượt qua, chúng tôi tiến ra ngoại châu thành. Hình như chúng tôi đã rời khỏi đô thành trên con đường về tỉnh lỵ. Nắng xiên chéo bắt đầu làm

lóa mắt tôi. Tôi hạ tấm biển ngăn nắng xuống. Chúng tôi đổi hướng đường, và tìm trở lại đô thành. Không, chúng tôi không hẳn đã trở lại đô thành, chúng tôi vẫn còn luẩn quẩn ở ngoại ô dưới những hàng cây cao. Tôi đã thấy rõ cái dốt nát về khoa địa chí của tôi. Mặc dầu cái nghề tôi là chuyển dịch khắp thành phố, thế mà có những con đường hôm nay tôi mới đặt chân tới lần đầu.

Tôi đang so bì như thế, bỗng trời tối hẳn lại. Từ chân trời, những đám mây đen kéo tới. Có những tiếng chân người tới tấp chạy mưa. Tôi chuẩn bị xe để tránh nước. Khi nhìn đến cô bé, tôi ngạc nhiên thấy cô vẫn bình thản đạp xe. Tôi bực mình nghĩ: “Thế thì cái áo mưa để làm gì ở sau xe? Để che thân cô khi mưa hay là để giữ gìn hai quyển sách nát?” – Gió thổi mạnh. Một vài giọt nước mưa lác đác xuyên nghiêng. Cô bé vẫn bất động làm cho tôi không kịp giở chiếc áo mưa của tôi. Thế rồi, chỉ có những hạt mưa đó, khoảng trời trên đầu chúng tôi quang đãng lần lần, trận mưa không tới. Tôi bỗng nhớ ra rằng ở cái thành phố rộng lớn này của tôi, với tiết mùa

đặc biệt, rất có thể có khu phố mưa nước ngập trong khi có khu phố vẫn khô ráo không hề lấy một giọt mưa rơi. Tôi vẫn chưa hết ngạc nhiên. Một giờ sau đó, trên nẻo đường khác, cô bé dừng lại, dắt xe vào đứng dưới một mái hiên. Một trận mưa lớn âm âm trút xuống bất chợt. Nhưng chỉ 10 phút sau trận mưa dứt hẳn. Cô bé tiếp tục cuộc hành trình một cách thanh thản trước sự cảm phục của tôi. Một lần nữa tôi đụng đầu với cái khoa học địa chí của cô bé láng giềng: “Cho hay, không gì bằng kinh nghiệm!”

Chúng tôi đã trở về những phố quen thuộc trong châu thành. Trời êm đẹp như cũ. Nắng đã xế, nhuộm vàng vạn vật. Người làm từ các công sở, tư sở, xí nghiệp đổ ra về. Đại lộ đông người một hồi lâu rồi lại vắng lẩn lẩn. Những chiếc đèn điện đầu tiên bật lên. Nét ưu tư xuống đậm trên trán mắt những người đi còn sót lại. Đêm hoàn toàn. Bây giờ đô thành chập chờn trong ánh sáng giả tạo. Cuộc sống ban đêm khởi sự ghen ngào hay hối hả. Nghe chừng hẻm phố nhà có âm u đón sự trở về của những người lãng tử. Tôi chậm

chạm lái chiếc xe bụi bặm vào căn nhà chứa xe, không cả nhìn từ biệt bạn đồng hành.

Thế là trọn một ngày theo dò cô bé láng giềng qua bảy quận đô thành, uống nắng, hút bụi, tắm nước mưa, tôi không hái lượm được một điều nào mới mẻ về nhân vật kỳ dị của tôi, ngoại trừ kết luận: Người lũ khách trong thành phố chúng ta.

NGƯỜI SÔNG THƯỜNG

TRĂNG SAO

DOÃN QUỐC SỸ

THỜI GIAN: Một buổi chiều, mấy tháng sau hiệp định Genève.

KHÔNG GIAN: Một căn phòng trên gác ba lại một phố khuất Sài Gòn bài trí rất giản dị:

Phía bên ngoài kê chiếc bàn vải bốn chiếc ghế trên bàn có quyển sách dày mở ngỏ cùng vài tờ nhạc viết dở. Phía bên trái là tủ sách, góc trong có chiếc bàn xinh bên trên để Radio, máy và đĩa hát. Chính giữa, phía trong cùng, là bức tường có một cửa sổ vuông lớn, đóng kín.

NHÂN VẬT:

QUÂN: 29 tуди

LIÊN: 24 tuổi, vợ Quân đẹp thuần thực và vô tư.

MỞ MÀN LÊN:

Sân khấu không có người. Tiếng dương cầm của ai đang tập một bản nhạc cổ điển. Khúc nhạc hơi khó, tiếng đàn vấp rồi ngừng luôn. Quân ở đâu về, tay cầm tờ báo, quăng lên bàn, lắng nghe rồi tím tím cười. Bỗng tiếng đàn ngừng bật... tiếng chân bước... rồi tiếng cười khanh khách, cùng với tiếng vỗ tay reo mừng của Liên vừa ra.

LIÊN – Kia anh đã về!

QUÂN – Mẹ đâu em?

LIÊN – Mẹ và các em đi thăm bác Cả một. Có lẽ mai mới về.

QUÂN – A! Mẹ đi Tân An.

LIÊN – Anh về từ bao giờ, sao kín tiếng thế?

QUÂN – Anh cũng vừa về để kịp nghe tiếng đàn của em (cười). Em làm anh nhớ lại những đêm mưa đi qua rừng, hồi còn ở Việt Bắc.

Vấp! Ngã! Chúi!

LIÊN – Nhưng khúc Andante thì em thuộc lắm rồi. Có thể hòa với anh ngay bây giờ.

QUÂN – (lơ đãng) Em vẫn hòa với anh, hòa với anh đã từ sáu năm nay.

LIÊN – (hiểu ý) Song em chỉ mới thực sự hòa với anh từ hai năm gần đây thôi, bởi tuy là vợ anh được sáu năm, nhưng bốn năm chinh chiến ngoài hậu phương miền Bắc, anh đi công tác xa, em có được gần anh đâu?

QUÂN – Có đấy chứ.

LIÊN – (buồn rầu) Ba hay bốn tháng anh mới tạt về thăm em được một ngày, xa nhau thế mà gọi là hòa với đời nhau được ư?

QUÂN – « Hòa » lắm chứ! Em không thấy trong một âm giai, hai âm xa nhất cách nhau tám bậc, chính vì hai âm xa nhau đến cực độ lại thành gần nhau đến cực độ ở thể “hòa”, unisson!

LIÊN – (cười gượng) Lý luận thì thế đấy, nhưng thực tế thì... (lắc đầu) Thôi em sợ những ngày ấy lắm rồi, chả nhắc lại nữa, anh nhỉ.

QUÂN – (liền lại âu yếm nắm tay Liên) Anh xin lỗi em vậy nhé.

LIÊN – (ngẩn ngơ) Nghĩ lại còn rùng mình. Hồi gia đình chúng ta ở Thái Nguyên, anh còn nhớ?

QUÂN – (gật đầu) Còn!

LIÊN – Nơi chúng ta tản cư, muỗi nhiều như châu, gián nhiều như sung và chuột hỗn như gấu, anh còn nhớ?

QUÂN – Thế cho nên bốn phận của mọi người chúng ta ở đây, giờ này là phải làm thế nào để những nhà ở chốn hẻo lánh không muỗi nhiều như châu, không gián nhiều như sung, không chuột hỗn như gấu.

LIÊN – (vẫn tiếp câu chuyện của mình) Vậy mà tất cả chúng ta phải dậy từ hai giờ sáng thắp đèn dầu lạc vê bánh trôi để mẹ kịp mang ra chợ bán vào lúc sớm mai, anh còn nhớ?

QUÂN – (vẽ cảm động, gật đầu): Còn!

LIÊN – Và ban ngày em Hoan phải đặt sách lên đùi để vừa học vừa xay bột làm bánh trong sáu tiếng đồng hồ liền, anh còn nhớ?

QUÂN – Ô, anh còn nhớ! (đi đi lại lại như để giấu vẽ cảm động).

LIÊN – Toàn thể gia đình, từ đứa em lên sáu của chúng ta đã biết vừa sốt rét, vừa làm việc mà vẫn túng thiếu. Cơm đã độn ngô mà vẫn phải ăn độn thêm rau. Khổ đến thế mà gia đình nhà ta vẫn...

QUÂN – ... Vẫn không ngớt tiếng cười và tiếng ca hát. Đạo ấy, vì thức khuya dậy sớm nhiều quá mà ăn uống lại thiếu thốn nên mẹ ốm, em còn nhớ chứ?

LIÊN – Dạ, em nhớ.

QUÂN – Chính là đạo anh công tác ở Bắc Kạn.

LIÊN – Phải, lần đó đã hơn bốn tháng qua vẫn chưa thấy anh về thăm gia đình.

QUÂN – (giọng xa xôi, ôn chuyện cũ) Anh được tin mẹ ốm thì vừa gặp dịp một người Mán trong vùng nấu xong mẻ cao hổ cốt. Anh vay tiền mua được một lạng và cố cậy cục xin phép về thăm mẹ. Hơn tám mươi cây số, anh đi bộ mất hai ngày.

LIÊN – Trời! Đi hơn bốn mươi cây số một ngày. Thế mà đạo đó anh nói dối em là đi làm ba ngày.

QUÂN – Nửa ngày đầu tiên nắng như thiêu như đốt, quá trưa trời nổi cơn giông rồi mưa bão.

LIÊN – Anh vẫn đội mưa bão mà đi ư?

QUÂN – Vì anh mang thuốc về cho mẹ. Vì anh sắp được gặp em, cùng toàn thể các em trong gia đình! Đêm hôm đó nằm trong nhà trọ anh lên cơn sốt rét. Có lẽ anh bị cảm lạnh trong trận bão bất ngờ. Cơn bão còn dây dưa suốt ngày hôm sau...

LIÊN – Anh vẫn đợi mưa bão mà đi ư?

QUÂN – Vì anh mang thuốc về cho mẹ. Vì anh sắp được gặp em, cùng toàn thể các em trong gia đình!

Liên rút khăn tay chấm nước mắt, trong khi Quân ngồi xuống ghế rút một liều thuốc lá châm hút. Không khí ngập dĩ vãng u buồn.

QUÂN – Còn nhớ hôm sau, đi được nửa ngày, anh gặp một người bạn cùng làm ở cơ quan. Khi bắt tay, anh bạn bỗng kêu lớn: Chết chưa tay anh nóng bỏng như hòn than, mà trời thì mưa to thế này, sao anh không tạm nghỉ lại ở một quán nào?

LIÊN – (vẻ đau đớn) Thế anh trả lời ra sao?

QUÂN – (nắm tay Liên rồi lắc đầu làm điệu như nói với bạn ngày đó). Anh nói: Tôi không thể nghỉ ở đâu được, vì tôi mang thuốc về cho mẹ.

Rút khăn tay chấm nước mắt cho Liên.

LIÊN – Phải rồi, mãi tới mười giờ đêm hôm đó, anh mới tới nhà. Trời vẫn mưa tầm tã.

QUÂN – Khoảng chín giờ, anh còn phải qua một cánh rừng rậm ở Phúc Triu. Quanh anh tối đen như mực. Giơ bàn tay lên trước mắt mà cũng không nhìn thấy gì.

LIÊN – (nhắm lấy tay Quân) Làm sao mà anh đi được hử anh yêu quý? QUÂN – Anh lần từng bước theo đường mòn (làm điệu bộ đi) Hễ thấy dẫm lên cỏ, anh biết là mình đã chệch về bên trái; hễ thấy chạm vào rễ cây, anh biết là mình đã leo quá lên phải. Vả lại tuy quanh anh tối đen, nhưng trước mắt anh. . . (lắc đầu)... không, trong lòng anh thì đúng hơn, là cả một trời trăng sao lồng lộng vì. . .

LIÊN – (cướp lời) Vì anh mang thuốc về cho mẹ. Vì anh sắp được gặp em, cùng toàn thể các em trong gia đình!

QUÂN – (bật cười). Đúng rồi! Nếu có thể trước vẻ đẹp của muôn ngàn bông hoa khác nhau, người ta vẫn thấy xa vắng mênh mông thì hôm đó, đi trong bóng đêm dày đặc của rừng, anh vẫn có cảm tưởng như đi giữa vùng hào quang – hào

quang tỏa tự trong lòng tỏa ra em ạ! – Chính hôm đó, chính lúc đó anh mới rõ sa mạc hay đồng cỏ xanh không ở cảnh vật mà ở lòng người. Chính hôm đó, tới lúc đó anh mới công nhận là tuyệt đối cái chân lý: nơi nào yêu thương ngự trị nơi đó cuộc sống chan hòa phồn thịnh. Chính hôm đó, tới lúc đó anh mới thấy rõ hết cái lảm cẩm hoang đường của một hệ thống lý thuyết chủ trương duy vật biện chứng, bất chấp ý định con người.

LIÊN – (ngồi xuống ghế, dáng thần thờ, giọng buồn rầu) Gia đình trong thời loạn dễ tan nát như tổ chim trong cơn phong ba. Gia đình ta cũng như biết bao gia đình kháng chiến khác đã sống trong cơn phong ba hãi hùng ấy. Vợ xa chồng, con xa cha mẹ...

QUÂN – Túng thiếu ở lại với gia đình, tai nạn đón chờ người ra đi thế mà mọi người ai nấy can đảm chịu đựng. Lòng tuy tê dại thành thực mà miệng vẫn vui ca thành thực.

LIÊN – Tâm trạng con người lúc ấy thật kỳ. (đứng

dậy) Khổ sở, thiếu thốn đến như vậy mà sao toàn dân ta vẫn thành thực vui ca được hờ anh?

QUÂN – Vì toàn dân ta đạo đó vẫn đinh ninh rằng đang đội mưa bão, vượt đường xa để mang thuốc về cho mẹ, người mẹ hiền gìn giữ đàn con đã bốn ngàn năm có lẽ.

LIÊN – Bà mẹ Tổ quốc!

QUÂN – (gật đầu) Bà mẹ Tổ quốc! (im lặng giây lâu) Cho đến khi lý thuyết kháng chiến hoàn toàn lộ vẻ khô cằn của một hệ thống tư tưởng vay mượn, ti tiện, sống bằng căm thù, nghèo đói và chiến tranh thì anh chủ trương hồi cư.

LIÊN – Tuy chỉ quanh quẩn trong vòng gia đình em cũng thông cảm ngay với những gì là tủi nhục, cay đắng của anh, của một người đàn ông đã lao mình vào cái không khí tung bùng của toàn thể đất nước kháng chiến để rồi chợt tỉnh giấc mơ thiên đường, thoát thấy mình nằm giữa địa ngục máu. Đạo đó khi nghe anh phát biểu ý kiến trở về quê hương, em thấy nở lòng nở ruột.

QUÂN – Cái tủ nhục nhất của con người, em ạ, là khi phải kéo mãi một cuộc chiến tranh tự nó đã mất hết ý nghĩa thiêng liêng ban đầu đi rồi.

LIÊN – (thở dài cho thoát bức dọc): Và chúng ta trở về quê hương! QUÂN – (gật gù) Trở về quê hương thuộc khu vực tuy bề ngoài muôn phần bản thủ, nhưng bề trong anh tin tưởng có ấp ủ những mầm linh dược khả dĩ cứu nổi mẹ hiền. (lắc đầu) Khi lâm coi đảng phải là cứu cánh, bộ mặt Đảng phái biến thành ghê tởm đến như vậy.

Quân mỉm cười nhìn Liên rồi như chợt nhớ ra điều gì. Bầu không khí bắt đầu tươi vui dần.

QUÂN — À, em còn nhớ chẳng buổi chiều gia đình chúng ta sang sông, đặt bước đầu tiên lên miền Quốc gia? Em thoăn thoắt leo lên đê và khi nhìn thấy chiếc lò gạch cũ đương phun khói xám giữa cánh đồng thì em tôi...

LIÊN – (cười khanh khách lắc đầu) Em không lẽ nhắc đến chuyện ấy nữa.

QUÂN – ... thì em tôi bỗng ôm mặt khóc nức nở làm cả nhà vừa lo sợ vừa ngạc nhiên.

LIÊN – (lau nước mắt) Đã bảo, em không lệ anh nhắc đến chuyện ấy nữa kia mà.

QUÂN — (cúi xuống gần Liên): Dạo đó em có nói nguyên do làm sao rồi mà lâu ngày anh quên mất.

LIÊN – (lắc đầu) Em không biết! Còn anh, hể cứ gặp anh Hiền là hai người lại ngồi lăm lì triết lý. . . gàn, em có chế không?

QUÂN – Được rồi em thích khóc, anh thích triết lý gàn cùng anh Hiền, không ai chế ai nữa. Thế là hòa! Nhưng dầu sao em cũng làm ơn nhắc lại nguyên do điều đó cho anh nghe một lần này nữa.

LIÊN – Em không biết!

QUÂN – (âu yếm) Nói đi chóng ngoan. Nguyên do làm sao kia em nhỉ?

LIÊN – (nhìn Quân giây lâu, rồi mới cúi xuống nói) Quê em ở vùng Hà Đông, nơi có rất nhiều lò gạch. Thuở nhỏ về chiều, em vẫn ưa ra đầu làng ngắm nhìn cảnh đồng bát ngát, trên có những lò gạch đỏ, phun khói xám lên nền trời chiều hoặc hồng rực, hoặc xanh mát, hoặc vàng lộng.

QUÂN – Ôi chao, một bức tranh nhiều màu làm sao!

LIÊN – Hôm đó vừa đặt chân lên đê con sông Cầu, cảnh lò gạch giữa đồng phun khói chợt hiện lên đột ngột quá khiến em không ngăn nổi xúc động và...

QUÂN – Và thế là em ơi, vật vô tri trở thành sống động để cùng người giao hòa bằng tình nhân loại: em đã khóc đột ngột như những trận mưa ngẫu tháng bảy!

LIÊN – Thôi em vào đây.

QUÂN – Hãy ngồi xuống nói chuyện cho vui, em.

LIÊN – Ngồi nghe anh riều em thì vui nổi gì. Em vào tập đàn để còn hòa với anh chứ.

QUÂN – (một ngón tay để lên miệng, giao hẹn) Thoạt tiên em hãy tập thật chậm, rồi nhanh dần thì vừa, như thế mới không vấp.

LIÊN – Vâng xin tuân thượng lệnh.

QUÂN – Và em còn phải thuộc cả bài “Trấn thủ lưu đồn” để tập dượt cho ban kịch sắp tới.

LIÊN – Em thuộc rồi.

Cả hai nhìn nhau bật cười. Liên toan vào nhưng đi được mấy bước, nàng thấy Quân thần thờ ơ rơi mình xuống ghế. Nàng rón rén quay lại.

LIÊN – Lần nào nhắc đến chuyện xưa anh cũng buồn âm thầm.

QUÂN – Nói là anh vui âm thầm thì đúng hơn, bởi mỗi lần ôn lại dĩ vãng, anh càng tin tưởng thêm ở chân lý: Sa mạc hay đồng cỏ xanh không ở

cảnh vật mà ở lòng người. Và nơi nào yêu thương
ngự trị, nơi đó cuộc sống chan hòa phần thịnh.

LIÊN – (bâng khuâng) Sa mạc hay đồng cỏ xanh
không ở cảnh vật mà ở lòng người...

QUÂN – Đời là giấc mộng con nằm trong giấc
mộng lớn là vũ trụ. Chúng ta hãy làm đầy đủ bốn
phận hướng thiện hướng mỹ trong giấc mộng con
của chúng ta cũng như vũ trụ vẫn nhịp nhàng
làm đầy đủ bốn phận tận thiện, tận mỹ trong giấc
mộng lớn của vũ trụ.

Ánh sáng xuống dần. Chiều! Quân cúi xuống,
dáng mệt mỏi.

LIÊN – (vỗ tay làm nhịp hát) Trấn thủ lưu đồn...

Ngày thì canh điểm sớm tối rộn việc quan.

Anh chém cây tre. . . tình dẫu mà tình ơi...

QUÂN – (thoáng vui) Sao bỗng nhiên em hát bài
này?

LIÊN – Vì em biết hể đương vui nghe bài này
anh trở thành buồn, đương buồn nghe bài này
anh trở thành vui.

QUÂN – À!...

LIÊN – (vỗ tay hát tiếp)

Anh chém cây tre... tình dẫu mà tình ơi... đồn gổ
trên ngàn,

Anh than rằng khổ biết phàn nàn cùng ai,

Anh những phàn nàn với trúc cùng mai...

Quân lắng nghe cảm động.

QUÂN – Em ạ nếu trời đất này có ngày tiêu diệt,
thì ở một trời đất

nào mới thành hình, anh tin rằng ca dao Việt
Nam, điệu hát “Trấn thủ lưu đồn”, Việt Nam sẽ
thành hình trước tiên, một khi con người ở đó đã
biết sử dụng đôi tai, đôi mắt, để nghe âm thanh
siêu việt, để nhìn vẻ đẹp cao nhã của vũ trụ.

LIÊN – Anh căn cứ vào đâu mà quyết đoán như vậy?

QUÂN – Vì ca dao của ta, điệu hát “Trấn thủ” của ta là những thứ hồn nhiên kết tinh tự ánh sáng, tự mây, tự gió. Và ánh sáng, gió, mây, thì ở vũ trụ nào mà chẳng có hờ em?

LIÊN – (gật đầu rồi mỉm cười nhìn chồng, vỗ tay làm nhịp hát tiếp)

Có cây măng đắng, có cây ngô đồng.

Xót... xót xa... tình dẫu mà tình ơi... như muối đổ trong lòng.

QUÂN – (âu yếm kéo Liên về phía mình) Lúc nào em cũng đẹp thế này ư?

LIÊN – (nép đầu vào vai chồng) Vì em yêu anh.

QUÂN – (hôn lên mái tóc vợ) Người đàn bà chỉ đẹp đến cực độ của mình khi yêu người yêu, phải không em?

LIÊN – Bởi vậy em biết rằng em sẽ đẹp mãi, em sẽ đẹp mãi.

Một giây im lặng. Ánh sáng mờ hẳn.

LIÊN – Em ra mở cửa sổ anh nhé?

QUÂN – Rồi em bật đèn lên cho anh.

Quân ngồi xuống ghế, Liên ra mở cửa sổ. Mảnh trăng thượng tuần cùng mấy vì sao hiện lên lấp lánh trong khung cửa. Liên, vì hơi cúi đầu, nên vô tình không chú ý đến. Nàng đi về phía góc trái toan bật đèn.

QUÂN – Đừng bật đèn! Trời! Em trông đẹp không kìa!

LIÊN – Ô, trăng sao!

QUÂN – Tuyệt đẹp! Tuyệt đẹp!

LIÊN – (tiến đến bên Quân, cùng nhìn về phía cửa sổ) Anh có nhớ một câu trong truyện Kiều:

Nửa vành trăng khuyết ba sao giữa trời?

QUÂN – (gật đầu): Vào đoạn Kiều sắp bị Khuyển, Ung bắt đi.

LIÊN – Và đã có người tán câu đó là chữ “tâm”.

QUÂN – Đó là cách tán cho có chuyện, song ta không thể chối được rằng đêm đẹp vì có trăng sao và người đẹp vì cái tâm của mình.

Bóng tối hoàn toàn tràn ngập trong phòng, khiến khung vuông cửa sổ càng thăm thẳm, và trăng sao lấp lánh càng rõ, càng đẹp. Quân, Liên biến thành hai cái bóng mờ dần rồi lẫn vào với bóng đêm. Tới đây chỉ nghe thấy tiếng hai người đối thoại. Và trên khung cửa sổ, những vì tinh tú, những thiên hà sẽ tuần tự xuất hiện... quay cuồng... lao vút về chân trời... biến hết. . . lại lần lần xuất hiện. . . tùy theo lời đối thoại của Quân, Liên...

Thoạt có tiếng Quân thở dài.

LIÊN – Sao anh lại thở dài?

QUÂN – Anh nghĩ đến những khoảng vũ trụ xa xôi, nơi đó có một thiên hà vừa nó vỡ và ánh sáng tụ lại thành hình một bông hoa úa trôi lững lờ. Anh nghĩ đến những ngôi sao mệnh mông như sao Antarès chứa được cả thái dương hệ của chúng ta. Anh nghĩ đến hàng triệu triệu thiên hà – trong đó có ngân hà của chúng ta – đương tới tấp lao mình ngày một nhanh về phía biên giới của vũ trụ cách chúng ta hai triệu năm ánh sáng.

LIÊN – Ô, em thấy vũ trụ đương nghiêng bầu ánh sáng và các thiên hà đương lao nhanh về biên giới. Nhưng khi các thiên hà tới đích rồi thì sao hở anh?

QUÂN – Đạt tới đích đó thì thiên hà cũng vừa lao nhanh bằng ánh sáng và tất cả vật chất: động vật, thực vật, khoáng vật, đột nhiên hóa thành suối ánh sáng đổ sang bên kia bờ vũ trụ.

LIÊN – (cười khanh khách) Vậy thì một ngày kia – tuy còn lâu lắm nhưng ắt phải đến – xương cốt chúng ta vùi trong lòng đất cũng sẽ chan hòa

thành ánh sáng. (ngạc nhiên) Vũ trụ sẽ khánh tận tinh tú hay sao anh ơi?

QUÂN – Vũ trụ tái tạo từng giây, từng xích na, em ạ. Mỗi xích na trong vũ trụ xuất hiện hàng cơ man... hàng cơ man nào là khinh khí. Khối khinh khí mênh mông đó nhào theo nhịp quay của vũ trụ mà kết tụ, để sau cùng lại hiện thành vân tinh, thành thiên hà...

LIÊN – (giọng băng khuâng) Vũ trụ luôn luôn sinh thành để bù vào những chỗ hủy diệt.

QUÂN – Vũ trụ không bao giờ thiếu thiên hà.

LIÊN – Vũ trụ không bao giờ thiếu trăng sao.

QUÂN – Và vũ trụ bên trong của con người cũng không bao giờ thiếu trăng sao, thứ trăng sao ẩn ngày trong câu thơ “Nửa vành trăng khuyết, ba sao giữa trời”.

Một giây im lặng... rồi một thứ ánh sáng huyền ảo bùng lên như ánh sáng hoàng hôn miền tuyết lạnh. Quân và Liên vẫn kẻ ngồi, người đứng

bên nhau vẽ băng khuâng thần thờ. Khung cửa sổ trắng sao không còn. Bên phải hiện lên vùng đồi núi xanh thẫm có đồn canh ngày xưa. Bên trái là cánh đồng mạ xanh non mênh mông, thấp thoáng bóng cò trắng.

Có tiếng hát tuy xa xôi nhưng rất rõ — bài “Trấn thủ lưu đồn” rồi những người lính thủ, xuất hiện tự trong đồn canh, bước và múa theo nhịp ca.

LIÊN – Em nghe như có lời cầu nguyện đâu đây, có lẽ chúng ta nên cầu nguyện.

QUÂN – (đứng dậy) Cầu nguyện không phải là kêu xin, mà là hòa nhịp với vô hình.

Quân khoác tay Liên, tiến lên rất thông thả. Hai người bước nhẹ như đi trong chiêm bao. Bài hát «Trấn thủ lưu đồn» với tiếng trống cầm canh gõ nhịp vẫn vang lên. Ngậm ngùi bát ngát.

Những người lính thủ đã vào trong đồn. Có người đàn bà nón thúng quai thao đi khoan thai,

có người đàn bà gồng gánh đảm đang bước gấp hơn, có người nông phu đội nón vác cuốc ra thăm đồng; có người tráng sĩ áo lam cưỡi ngựa trắng. Hình ảnh nước Việt Nam cổ kính, hiền hòa, can đảm và nhần nại hiện lên như một bức tranh bất tuyệt.

Quân, Liên vừa ra đến giữa sân khấu thì...

MÀN TỪ TỪ HẠ

DOÃN QUỐC SỸ

THÁI ĐỘ CẦN THIẾT KHI XEM TRANH

THÁI TUẤN

Xem tranh có người đã hỏi tôi: Bức tranh này vẽ người đàn bà ngồi như thế để làm gì? Hoặc sao bức tranh lại vẽ một người đầu nhỏ đến thế, chân tay thì dài loằng ngoằng, vẽ như thế để làm gì? Sao cái cây lại tím, mặt trời lại xanh?

Thật là khó trả lời, và bối rối cho kẻ bị chất vấn. Nhưng đây là những câu hỏi thành thực và có thiện chí muốn tìm hiểu về hội họa. Có lần tôi cũng đã tự hỏi tôi như vậy khi nhìn một bông hồng nhung tuyệt đẹp. Bông hoa này được nở ra để làm gì? Sao cánh nở lại đỏ, nhị nở lại vàng? Và

rồi tôi tìm ra nhiều duyên cớ chính đáng cho sự có mặt và tồn tại của bông hoa. Trước hết, nhà dược sĩ có thể dùng nó để bào chế ra một thứ thuốc (như thuốc ho chẳng hạn), nhà hóa học dùng nó trong kỹ nghệ chế dầu thơm, người mộ đạo dùng nó để dâng lên bàn thờ làm một lễ vật, v. v...

Nhưng đối với tôi hiện tại lúc ấy, tôi chỉ thấy vẻ đẹp của nó. Nên nó đã được tôi cắm vào trong bình hoa của tôi. Mãi suy nghĩ vẫn vơ làm tôi bỏ trôi bao nhiêu giây phút quý báu để thưởng thức vẻ đẹp của bông hoa. Điều đó đối với tôi mới chính là điểm quan trọng và là cái cớ chính đáng nhất.

Nếu một vị tu hành thấy bức họa có một đề tài hợp với giáo lý của mình, thì cứ việc lấy nó làm công cụ truyền đạo cho mình. Nhà chính trị nhận thấy có thể đề tài này hợp với đường lối tranh đấu của mình, thì thiết nghĩ cũng chẳng sao nếu họ lợi dụng nó làm một lợi khí tuyên truyền cho chủ nghĩa của họ. Đúng ra một bức họa mà có một giá trị nào đúng đắn và xứng đáng thì

cũng vẫn chỉ là một giá trị về nghệ thuật, chẳng phải rằng mục đích của nó là làm công việc nghệ thuật hay sao?

Có những bạn hết sức thành thật không ngần ngại gì mà thú thật rằng: chả hiểu một tý gì về hội họa, phải làm thế nào để hiểu một bức tranh, hay có tiện thì giải thích cho bạn ấy về một bức tranh, mách cho bạn ấy một vài « bí mật » hay « mảnh lời », để xem một bức tranh. Chính sự ham muốn hiểu biết và cố gắng trau dồi kiến thức sẽ dần dần giúp các bạn ngày càng tiến bộ. Nghệ thuật không phải xây dựng bằng những công thức hay những phương số. Vấn đề kỹ thuật tuy cần thiết nhưng mới chỉ là những văn quốc ngữ.

Muốn thưởng thức một áng văn chương điều cần tối thiểu là phải biết đọc. Nhưng biết đọc chưa chắc là đã hiểu biết những điều mình đọc được.

Tôi cũng từng biết một số người vào phòng triển lãm tranh, ca tụng bất kỳ một bức tranh nào, mà lối vẽ hết sức cầu kỳ và bí hiểm. Họ

không ngần ngại gì mà phát biểu rằng: lối vẽ tối tân nhất, là lập thể hay trừu tượng. Ngoài lập thể và trừu tượng ra đều là xoàng hết. Vẽ gì mà dễ hiểu quá, là tầm thường. Họ đoán những hình này, hình nọ ở trong một bức họa lập thể hay trừu tượng. Và coi bức họa như là một cuộc đánh đố giữa người vẽ tranh và người xem tranh. Hiểu về tranh như vậy cũng là nhầm lẫn nhưng dù sao cũng là những bộ óc ưa cải cách và tiến bộ.

Đành rằng cuộc đời đòi hỏi phải có sự tiến bộ, nhưng nghệ thuật hội họa thuộc phạm vi tình cảm, và ở địa hạt tình cảm thì không thể nói chuyện tiến hay lùi.

Tình yêu của những chàng trai ở đời Trần đời Lý chắc cũng chẳng kém phần say đắm như ở thời đại nguyên tử của chúng ta, cảm xúc có thể cũng chỉ là một, có khác chăng là ở cách diễn tả. Mà cách diễn tả không bắt buộc phải theo một đường lối. Miễn sao đạt được tới đích.

Khi xem tranh, mà chỉ chú ý đến đề tài thì không khác gì kẻ muốn thưởng thức một tác

phẩm về văn chương, mà chỉ nóng lòng xem tác giả sẽ kết thúc câu truyện ra sao?

Cách thưởng thức một bức họa có đôi phần khác với thưởng thức một bản nhạc, một bài thơ hay một tác phẩm văn chương. Nghe một bản nhạc ta phải tuần tự nghe từng nốt đàn, từ khúc đầu đến phần chót, cuối cùng ta sẽ có một ý kiến về toàn bản.

Đọc một tác phẩm văn chương, hay nghe ngâm một bài thơ cũng vậy. Ta phải tuần tự đi vào từng chương mục, từng chi tiết. Tất cả hợp lại cho ta một kết luận về toàn thể. Thưởng thức một tác phẩm hội họa bao giờ ta cũng thu cả toàn thể tác phẩm trong một thoáng nhìn ở giây phút đầu. Cảm xúc đưa lại tuy nhanh chóng nhưng rất rõ rệt, hoặc là bức họa cho ta một cảm giác ghê sợ, buồn bã hay vui vẻ từng bừng, v. v... Giây phút đó hoàn toàn là của cảm xúc, nó đi qua mau hay chậm tùy theo từng người. Sau đó, ta bình tĩnh và ta bắt đầu để ý đến từng chi tiết, ta băn khoăn về chỗ này, ta thú vị ở chỗ kia. Lúc đó là lúc lý trí đã bắt đầu góp phần vào cái việc xem tranh.

Khi đã xem xong, ta quay lưng đi, nếu có ai hỏi chúng ta tả lại cảnh trong bức họa, chúng ta sẽ kể rằng đó là một bãi biển, hoặc là một cảnh rừng núi. Nhưng có một điều rất chắc chắn là không có thể nào chúng ta nhớ hết được tất cả mọi chi tiết trong bức họa. Nhưng thử hỏi: chúng ta nhớ hết tất cả chi tiết để làm gì, và có cần thiết hay không? Khi quay lưng khỏi bức tranh thì trong đầu ta đã có một bức tranh khác ít chi tiết hơn, nhưng chẳng kém phần linh động và cũng là một cảnh núi rừng âm u, hoặc là biển cả mông mênh.

Ở địa hạt văn chương há cũng chẳng như vậy sao? Vai dòng chữ có thể gợi lên cho bạn cả một đại dương mênh mông, náo nhiệt, nào có cần gì đến năm bảy trang giấy đầy đủ mọi chi tiết.

Tại sao khi xem một bức tranh ta cứ đòi hỏi phải có chi tiết này, chi tiết kia. Chi tiết ví như những đồ nữ trang, có thể làm tăng vẻ đẹp cho người đeo và cũng có thể làm giảm vẻ đẹp đi, nếu không nói là có hại. Ngắm một người đẹp, mà chỉ chú ý đến đồ nữ trang thì kể cũng khả nghi.

Bởi vậy khi thưởng thức một họa phẩm, chúng ta nên dẹp hết mọi thành kiến, mọi băn khoăn của lý trí. Để cho phần cảm xúc của ta làm việc tự do hơn. Thưởng thức một bức tranh không đòi hỏi đến sự hiểu biết kỹ thuật hội họa. Việc nghiên cứu một bức họa là phần của các người chuyên môn.

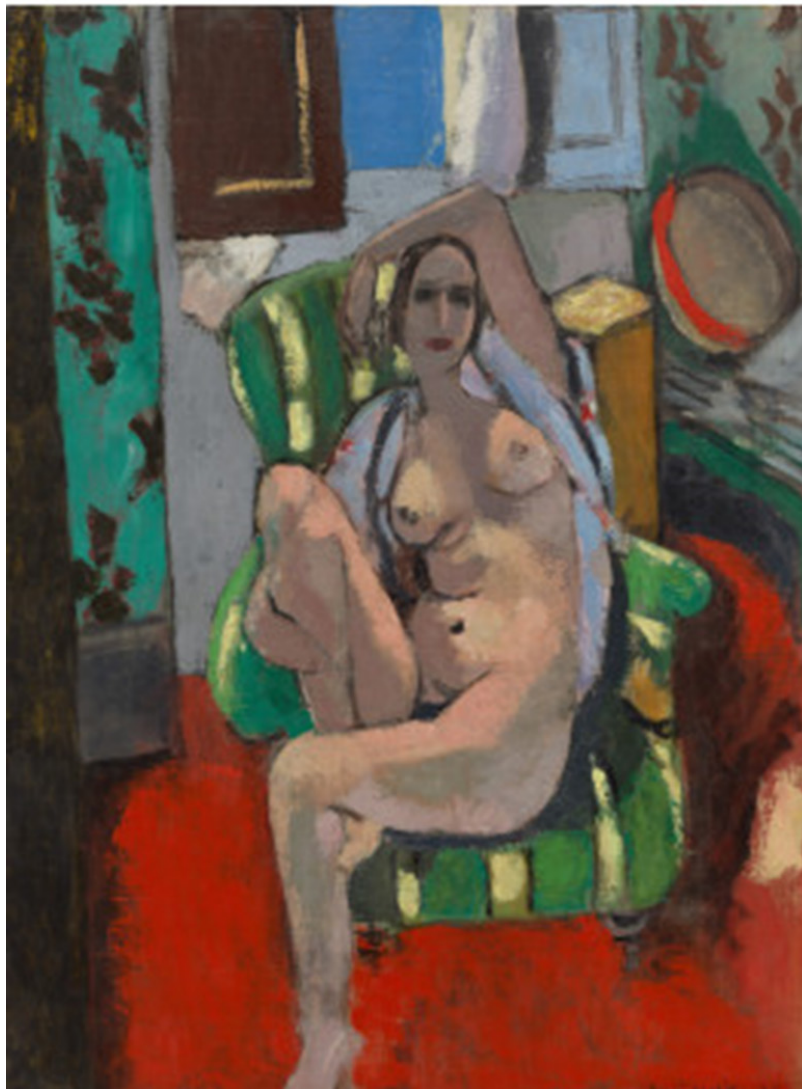
Khi nghe máy vô tuyến truyền thanh, nếu bạn hiểu rõ những máy móc bộ phận trong máy đó thì càng hay, nhưng nếu bạn không hiểu rõ thì không phải vì thế mà bạn không nghe được, hay là nghe kém phần thú vị đi.

Một tác phẩm họa có thể tả lại một đồ vật, một phong cảnh, cũng có thể để diễn tả một tư tưởng, diễn đạt một tình cảm, nhưng cũng rất có thể không diễn tả một cái gì khác, ngoài sự băn khoăn về cái đẹp mục đích duy nhất của nghệ thuật hội họa.

Có thể lấy một trường hợp bức họa của Matisse làm thí dụ.

Trong bức tranh « L’Odalisque au tambourin² » sáng tác năm 1956. Đó là bức họa một người đàn bà lõa thể ngồi trong một chiếc ghế bành, với dáng điệu kiểu cách, giữa một gian phòng màu sắc huy hoàng một cách rối loạn. Ở góc phòng, có một cái trống. Qua một khung cửa sổ người ta thấy một mảng trời. Không tượng trưng một hành động nào, không có đề tài, nếu có thì chỉ có ở cái tên họa sĩ đặt cho bức tranh, không có gì làm cho người ta rõ người đàn bà đó là một cung nữ. Người đàn bà khỏa thân trong một gian phòng, đó là một đề tài hết sức thông thường trong hội họa. Nhưng ở đây họa sĩ Matisse không chú ý đến sự khỏa thân, hay ở chiếc ghế bành hoặc chiếc trống. Điều mà họa sĩ chú ý là việc xếp đặt màu sắc. Việc đó rất rõ ràng khi chúng ta quan sát bức họa.

² Tấm hình này có in bằng màu trong cuốn Matisse thuộc loại “Le grand art en livres de poche” của nhà Flammarion, và hiện có bán ở một vài hàng sách ở Sài Gòn.



Ở trung tâm bức họa, Matisse đã dùng những màu rất nhạt khác hẳn với thói thường của ông. Những bóng tối trên hình khỏa thân là màu xám tím, những chỗ sáng trên thân thể người đàn bà là màu nâu rất nhạt. Những khoảng khác là đen hay xám với màu lơ nhạt hay tím nhạt. Tất cả những khoảng màu sắc trên, người đàn bà khỏa thân hợp thành một mảng màu nhân nhạt nằm ở trung tâm bức họa. Xung quanh trung tâm điểm ấy, biểu diễn một vũ điệu của những màu sắc huy hoàng. Màu đỏ tấm thảm, màu xanh của bức tường, những chấm vàng ở sọc ghế, tất cả được tạo nên quý giá chiếu sáng như màu sắc của những viên kim cương ngọc bích. Hình thể đều mở rộng không có đường biên giới. Màu sắc xâm chiếm bức họa không đếm xỉa gì đến hình thể, đường nét, tuy vậy vẫn không quên phần hòa hợp. Hình thù bàn tay và bàn chân của người đàn bà chỉ là những chấm màu hết sức sơ sài, họa sĩ không cố ý diễn tả bàn chân hay bàn tay nhưng đã cho nó màu sắc để nó có thể dung hòa với toàn thể các màu khác.

Nhìn người đàn bà khỏa thân chúng ta cũng phải công nhận rằng thực quả Matisse đã có một sự hiểu biết rất sâu sắc về hình thể, và đồng thời cũng có một kinh nghiệm vững chắc về sự ngiên cứu những dáng điệu của người khỏa thân. Nhưng tất cả sự hiểu biết đó ông khéo gói ghém dưới những nét vẽ rất đơn giản và có vẻ như khờ khạo. Tạo thành một hình ảnh ở trong một hình ảnh. Con người khỏa thân mơ hồ như hình dáng ở Liêu trai.

Mượn thực tế để rồi tách rời khỏi thế giới thực tế, họa sĩ Matisse dẫn dắt người xem vào một thế giới kỳ lạ, ảo huyền của những truyện thần thoại, ở trong đó sự giàu có, sang trọng, huy hoàng của màu sắc đã khéo xếp đặt điều hòa kh-iến cho chúng ta khi ngắm tranh, có một kỳ thú không kể xiết. Nhưng chỉ có thể thôi, sau khi xem tranh chúng ta cũng chẳng có một bản khoản gì, hay một tư tưởng gì ở bức tranh đưa lại cho chúng ta.

Matisse cũng đã muốn như vậy. Ta hãy nghe ông nói: “Tôi diễn tả một quăng không gian và

những vật trong đó như là trước mặt tôi chỉ là bầu trời và mặt bể, nghĩa là hết sức giản dị. Tôi vẽ không khó khăn chút nào, vì mọi sự đến trong lúc sáng tác một cách rất tự nhiên. Tôi chỉ lo ghi lại những cảm xúc. Cái điều khó khăn nhất cho các họa sĩ trong công việc sáng tác là không phân loại nổi cảm xúc của mình vì lý trí đánh lạc mất hướng. Lý trí chỉ có chỗ dùng để kiểm soát lại khi đã hoàn thành xong tác phẩm”.

Về kỹ thuật Matisse viết: “Khi tôi vẽ một cảnh trong nhà, trước mặt tôi là một tủ đứng, tôi có cảm giác đó là một màu đỏ, tôi đưa một màu đỏ hợp với ý muốn và vẽ lên vải. Từ màu đỏ ấy đến màu trắng của bức vải này lên một sự hòa hợp. Rồi bên cạnh màu đỏ, tôi vẽ thêm màu xanh của bức tường, và màu vàng của nền nhà. Màu xanh, màu vàng ấy với màu trắng của bức vải cũng vẫn cần đến một sự liên hệ mà tôi mong muốn. Nhưng theo đà tiến triển của sự sáng tác, dần dần các màu sắc sẽ giảm bớt sự liên hệ với nhau. Lúc ấy, tôi phải dùng đến một vài đường nét hoặc màu sắc phụ thuộc để gây lại thăng bằng và điều

hòa, mà tránh cho các màu sắc khỏi đối chọi lại nhau. Đôi khi phải thay đổi lại một số màu sắc chính của bức họa”.

Về nội dung Matisse đã viết: “Cái điều mà tôi mong ước nhất là một thứ nghệ thuật êm dịu và điều hòa không có những đề tài cầu kỳ và những nội dung làm mệt óc. Một thứ gì, tựa như là một chiếc ghế bành, giúp cho những ai mệt mỏi một sự thoải mái dễ chịu”.

Họa sĩ Matisse có đi quá trớn khi cho rằng nghệ thuật hội họa chỉ có công dụng như một chiếc ghế bành hay không? Tôi tưởng rằng: sự thành thực của họa sĩ chỉ đáng ta khen ngợi. Đó là lý tưởng của ông và những tác phẩm của ông chứng tỏ sự thành công của ông với lý tưởng đó. Riêng tôi, tôi nhận thấy ở một số tác phẩm của ông, một nụ cười rất hồn nhiên nhưng dù sao cũng là sự hồn nhiên của một triết nhân họa sĩ.

Khi bước chân vào phòng triển lãm về hội họa, tôi biết chắc có rất nhiều người băn khoăn và tự hỏi: “Không biết bức nào là đẹp? Bức nào

là xấu? Mình thú bức tranh này có đúng hay không, hay là một sự nhầm lẫn?”

Tôi xin trả lời rằng:

– Bạn thích bức nào, là bức ấy đẹp nhất đối với bạn; còn không phải vì ý thích của bạn mà bức họa sẽ được tăng thêm giá trị nghệ thuật hay giảm sút đi. Nhưng điều ưa thích là quyền của bạn, tại sao bạn không thành thực với ý thích của mình? Đây mới chỉ là nhận xét cái đẹp, cái xấu của bức họa để chơi thôi.

Chắc có nhiều bạn sẽ thắc mắc hơn khi có ý định mua một bức tranh. Các bạn thắc mắc những gì? Trước hết là ngại rằng bức tranh có xứng đáng với món tiền bỏ ra mua nó không? Hai là khi treo ở nhà nếu nhỡ ra bức họa tồi thực thì bạn bè đến chơi sẽ nghĩ chủ nhân như thế nào? Tôi đã nghe một anh bạn giải đáp như sau: điểm thứ nhất, mua một ý thích không bao giờ sợ đắt cả. Về điểm thứ hai: bạn bè sẽ nghĩ rằng: chủ nhân và tác giả rất có thể là hai người bạn thân.

Về phần tôi thì tôi nghĩ rằng: mọi vấn đề cần phải có sự thành thực. Kẻ sáng tác phải thành thực thì người xem và mua tranh tại sao lại không thành thực làm theo sự ưa thích của mình. Còn về trình độ thưởng thức nếu ta muốn được sâu sắc, tế nhị hơn thì đó là một việc đòi hỏi đến sự học hỏi, trau dồi không ngừng và lâu dài về mọi mặt trong địa hạt văn nghệ; chứ không thể với việc có sẵn một vài “mánh khéo” ở trong túi là được. Tiếc rằng ở nước ta chưa đặt thành vấn đề “giáo dục về thẩm mỹ cho nhân dân”.

Nghệ sĩ với điều kiện hẹp hòi, với phương tiện thiếu thốn của mình không thể đứng riêng mà làm nghệ thuật cho có hiệu quả được. Việc đó đòi hỏi sự hiểu biết và thiện chí của chính quyền. Và tất nhiên, là một bốn phần của nhà nước trong muôn ngàn bốn phần khác. Trong lúc chờ đợi chúng ta hãy tự kiểm lấy phương tiện.

THÁI TUẤN

BIÊN KINH TRÊN LÁ CHUỐI

LÊ VĂN SIÊU

Trong báo Sáng Tạo số 11 vừa rồi, ông Quan Sơn đã có nhã ý góp thêm cho tôi một ý kiến của ông về chỗ có thể hiểu câu thơ của Trương Tích tạng Nhật Nam tặng, một cách hình thức là sư đã biên kinh trên lá chuối cho nó giản dị.

Tôi rất lấy làm cảm ơn thái độ đọc sách của ông. Tôi rất mong có nhiều bạn khác như ông nhận thấy điều gì hay dở, phải trái trong sách thì chỉ dạy liền ngay cho tác giả để nhận hay không nhận, thì tác giả hãy nói ra đi, cho thêm rộng đường dư luận. Đó là một cách duy nhất để làm cho tác giả tiến bộ mà lần sau bớt câu thả để kính trọng độc giả nhiều hơn. Bằng chẳng vậy, người

ta viết sách cứ như kẻ “múa gậy vườn hoang”, thì người ta có thể sẽ hỗn hào với độc giả và đập cả gậy vào đầu mình lúc nào mà không biết.

Ở bên các nước tiến tiến, người ta đã có một phong thói làm việc tinh thần như vậy. Trừ phi người ta khinh một tác giả như khinh một con chó ghẻ thì người ta không thềm nói tới nữa. Nhưng khi một tác giả không đến nỗi đáng khinh, viết ra một bài báo hay một cuốn sách, thì lập tức kẻ tán thành, người phản đối, người ta có thái độ liền ngay để hoặc viết thư riêng hoặc viết bài trên báo mà mách thêm cho tài liệu này, chỉ vạch thêm cho lý luận khác. Vì vậy, vô tình một hòn đất của mình ném ra, tác giả đã hứng lại được cả một thúng vàng từ bốn phương tới. Như thế, tác giả đã có lợi để sau lại phụng sự độc giả với nhiều lương tâm hơn. Và như thế, trong nước mới có một học phong đứng đắn được. Tôi chỉ chân thành mong ước thấy một học phong ấy.

Tôi rất mừng rỡ tiếp đón ý kiến của ông Quan Sơn để có bài trả lời này. Không phải mừng vì

được một dịp làm quảng cáo cho sách (như thế chẳng hóa ra tôi hèn lắm sao?) Nhưng mừng là thấy bạn đọc sách có cảm tình với mình lại đã đọc kỹ mà mách bảo thêm cho, để từ sau lại thận trọng hơn nữa.



Riêng về câu chuyện biên kinh trên lá chuối này của ông Quan Sơn, tôi không coi nó là một trò tũn mủn văn chương, mà đã nhìn thấy trong nó, một vấn đề hết sức quan trọng về nhận thức.

Không rõ ông có tự nhận thấy trong lập luận của ông cái ảnh hưởng sâu xa của luận lý hình thức với đủ những chính đề, phản đề, tổng hợp đề của nó không? Đây, nó đã được diễn ra như thế này:

A) Ông có thực mắt trông thấy tại Ấn Độ những kinh tạng viết trên lá gồi, (có thể cả trên lá chuối nữa).

B) Có một thi sĩ xưng tụng một vị tăng bằng câu thơ:

“Phiên kinh thượng tiêu điệp”. Câu thơ ấy được một ông sư khác dịch ra là: “Lá chuối biên kinh cũ” và được một nhà văn học sử Nguyễn Đồng Chi dịch là: Dịch kinh trên lá chuối.

C) Vậy thì đúng vị tăng ấy đã biên kinh trên lá chuối.

Các luận lý hình thức với tam đoạn luận ấy của nó, đã nhiều lần được chứng tỏ là không đủ khả năng nữa để tìm chân lý. May quá, lại có thêm lần này nữa, để sự chứng tỏ được rõ ràng cụ thể hơn.

A)... Tôi xin nhận là trên đời này có cái việc người ta biên kinh lên lá chuối. Cái việc ông Quan Sơn qua Ấn Độ nghiên cứu Phật học, và nhìn thấy lá chuối, lá gồi được dùng để chép kinh lên trên là một việc rất thực. Nhưng, ai đã làm việc biên chép kinh lên lá chuối? Cố nhiên không phải là Phật. Cố nhiên nữa, cũng không phải những đấng hóa thân của ngài. Những đấng này nói ra một lời, thì lời ấy đã là một lời kinh rồi. Thế thì chỉ có những môn đồ, chưa tới trình độ bồ tát, sợ

quên mất lời thầy, mới chép lại những lời kinh ấy để lưu truyền hậu thế.

Bây giờ,

B. Có một thi sĩ xưng tụng một vị tăng, tu một mình ở trên núi, bao nhiêu năm như vậy, xa loài người đến nỗi quên cả tiếng nói, khi gặp người khách Nam Hải thì hỏi: Ai? Bằng một giọng lơ lớ như tiếng Mường (man ngữ). Thi sĩ ấy trong thâm tâm, cảm phục vị tăng ấy, để xưng tụng, thì phải xưng tụng vị tăng ấy là Phật sống hay xưng tụng vị tăng ấy là một chủ môn đồ ngồi chép kinh? Mà chép kinh giữa rừng núi một mình, thì chép gửi cho ai nữa? (Chẳng lẽ gửi cho báo Sáng Tạo đăng!)

Vậy thì:

C. “Phiên kinh thượng tiêu điệp”, có hai lối hiểu. Hiểu theo hình thức là hạ ông Phật sống xuống hàng môn đồ, xuống hàng một ông già ma bần, xuống một thứ “Lỗ Bình Sơn phiêu lưu ký”, để một mình sống vợ vắn trên núi bao nhiêu năm,

lăn đả như một con trâu rừng mà đào giếng, và trồng gai giữa rừng như một chú Mán để tự dẹt quần áo v. v... Giọng thơ như thế là giọng thơ mỉa mai rồi, không phải là xưng tụng. Mà thơ ở đây là thơ bái phục Nhật Nam tặng. Vậy phải hiểu thơ theo lối tượng trưng mới suốt được sự nhất trí của thơ và mới không giảm giá trị của người được xưng tụng cũng như không giảm giá trị của thơ. Nhất là khi thơ ấy được xuất hiện vào thời xu hướng tượng trưng, toàn thịnh.

Vậy cái việc biên kinh trên lá chuối là không có thực ở chỗ này, mặc dầu ở chỗ khác vẫn rất đúng là có người biên kinh trên lá chuối (như ông Quan Sơn đã thấy). Do trường hợp nhận thức ấy, ta thấy quá rõ nhận thức quan cũ đã lỗi thời đến độ không thể nào tưởng tượng được.



Huống chi, bài thơ của Trương Tịch đời Đường (618–907) tặng Nhật Nam tặng, chưa biết đích đã xuất hiện vào năm nào, nhưng biết rằng thi sĩ là người đồng thời với Bạch Cư Dị

(772–846), Hàn Dũ (768– 824), và đã được hai thi hào này trọng về nhân cách và văn tài, ta có thể phỏng chừng cho nó xuất hiện vào khoảng năm 800. Thì, trái hẳn với những kết luận rất khoa học của các nhà xã hội học, khoảng ấy người ta đã chế ra được giấy từ lâu rồi. Sách Trung quốc sử lược của Phan Khoang trang 165 – 166 chép:

“Nguyên từ thời thượng cổ, người Tàu chỉ dùng thanh tre, thanh gỗ hoặc lụa mà viết với một cái que nhọn trong ruột có đồ sơn đen. Đời Tần, Mông Diêm đi đánh Hung Nô mới chế ra được bút lông. Đến đời Hậu Hán, Hán Thái Luân dùng vỏ cây, rẽ rách v.v... chế ra giấy...”

Đời Hậu Hán là đời đã bắt đầu vào năm 25 để tận cùng vào năm 219. Vậy thì từ năm 219 ấy, tới năm 800, đã có 600 năm qua. Không lẽ 600 năm trước đã có giấy mà 600 năm sau thì giấy lại biến đi đâu mất? Và không lẽ giấy đã có sẵn từ 600 năm trước mà 600 năm sau vẫn còn một “ông già ma bùn” ngồi lấy lá chuối để viết kinh?

Huống chi nữa, chữ “phiên” ở đây lại không có nghĩa là dịch cũng không có nghĩa là biên, mà có nghĩa là lật. Người ta nói phiên thủ là lật bàn tay, phiên thân là trở mình đứng qua một thế khác, phiên nghịch là xoay ngược hướng đất cũ về địa-lý. Việt-Nam Tự điển trang 438 chép:

Phiên: Lật trở lại (không dùng một mình)
 Phiên án: bác những cái nghị án đã quyết định: Án đã định mấy năm rồi nay phiên lại. Phiên án cái lý thuyết xưa nói quả đất vuông mà cho là quả đất tròn. Phiên ấn: in lại sách của người ta đã xuất bản: sách đã xuất bản cấm không ai được phiên ấn. Phiên phúc: tráo trở: nhân tình phiên phúc.

Đó là đối với chữ phiên theo tự dạng đúng như trong Việt Nam cổ văn học sử của Nguyễn Đồng Chi chép ở trang 84. Chúng ta có thể ngờ Nguyễn Đồng Chi chép sai chữ nho chăng?

Thì phiên, còn có thể có những tự dạng khác để mỗi tự dạng có một nghĩa khác. Cũng Việt Nam Từ Điển đã ghi: 1) Phiên là phen, lần, lượt.

– 2) Phiên là ty, coi về việc hành chính. – 3) Phiên là theo âm nước khác mà viết ra chữ nước mình, nhưng không dùng một mình. – 4) Phiên là trái trở lại.

Trong ngần ấy nghĩa của phiên, chỉ nghĩa thứ ba có thể là dịch, khi nó đi liền với chữ dịch thành phiên dịch, và người làm thơ có thể đã dùng phép lược tỉnh để nói phiên là dịch. Nhưng chỉ khi viết chữ quốc ngữ như bây giờ mới làm chuyện úp mở như vậy được thôi. Còn khi viết chữ nho thì tự dạng khác nhau rõ rệt, không thể nào hiểu sai được. Vậy thì, trong câu chuyện của chúng ta, Nguyễn Đồng Chi đã chép thơ chữ nho của người ta với phiên là lật và đã làm một chuyện oái oăm để dịch phiên là dịch. Sau đó Thượng Tọa Mật Thể oái oăm hơn, không kiểm soát lại, lại gán luôn cho phiên là biên. Để rồi những nhà xã hội học tân thời đem một tấm kính luận lý rất là khoa học ra, để kết luận một cách cũng rất khoa học là hồi đó thì ra xã hội của mình chưa văn minh tiến bộ, chưa có giấy, nên sử đã dịch hay đã biên kinh lên lá chuối. Và để rồi cuối cùng

bây giờ, đến lượt ông Quan Sơn đi Ấn Độ nghiên cứu Phật học về, có nhìn thấy lá chuối biên kinh thật, nên công nhận những kết luận rất là khoa học của các nhà xã hội học kia quả thật là đúng.

Chúng ta quả đã đương làm một chuyện khôi hài to lớn vậy.

o O o

Sự khôi hài to lớn này làm rớt nước mắt chúng ta ra, vì chúng ta rất lo rằng cứ như thế thì cả một nền cổ văn học của chúng ta sẽ không còn ai thấy chân giá trị của nó ở đâu nữa.

Người trước làm việc cầu thả một chút. Người sau không kiểm soát lại, lại dùng tài liệu sai ấy để làm sai đi một từng nữa. Người sau nữa hiểu sai đi một từng nữa. Rồi người sau nữa nhận cái sai ấy là chân lý ngàn đời. Như trường hợp Đinh Văn Nhấp là một vị Tiến sĩ thời nho học cũ, dịch câu thơ của Lý Nhân Tông ca tụng sư Vạn-Hạnh:

Chân phủ cổ sấm ky là rành rành có sấm thi.

Hương quan danh Cổ pháp là quê nhà tên Cổ pháp.

Khi thực thì thơ có nghĩa là rất hợp với lời sấm cổ và Ngài làm rạng danh quê nhà ở Cổ pháp. Khi dịch một cách cầu thả đến như vậy để đem tài liệu đến cho người sau làm việc xây dựng, các nhà nho cũ ở thời Pháp mới sang đã chứng tỏ cái tâm trạng:

Nào có ra gì cái chữ nho.

Ông nghề ông công cũng nằm co!

Cái tâm trạng nâng niu làm quái gì những thứ đồ cổ ấy nữa của nền văn hóa cũ! Cho nên các ngài đã làm qua quít cho xong chuyện thì thôi. Bởi thế mà nhiệm vụ của thế hệ chúng ta khi làm sách là phải kiểm điểm kỹ càng lắm mới khỏi sai lầm, ngớ ngẩn.

Ông Quan Sơn cho lối hiểu của tôi là cầu kỳ. Nhưng chắc bây giờ không cho là cầu kỳ nữa. Bởi nếu tôi đã không chịu mất hàng nửa tháng,

để vật lộn với cái lá chuối này, như đã trình bày ở trên, thì tôi cũng đã rơi vào cùng một cái bị sai lầm rồi. Như vậy thì việc làm của tôi còn giá trị gì nữa? Dầu sao tôi cũng cảm ơn ông đã cho tôi có một cơ hội để nói ra được phần nào cái công nhỏ mọn của tôi khi viết bộ lịch sử văn học này. Tôi cũng xin nhận lời chú thích số 4 ở trang 44 của tôi là còn chưa được thật rõ. Lần in lại sau, tôi sẽ sửa như thế này:

“Lần giở kinh Phật trên tàu lá chuối hay đọc kinh Phật qua tàu lá chuối lật đi lật lại theo chiều gió”.

Vậy, xin chấm hết câu chuyện: Lá chuối biên kinh.

LÊ VĂN SIÊU

CON MÈO HOANG

THANH NAM

Đậu bằng qua giá vũ như ty

Vương Ngự Dương

Tôi đặt chân vào căn nhà với một cảm giác khó tả. Mùi ẩm mốc của những bức tường và những đồ vật để lâu ngày thiếu ánh sáng bốc lên, tanh tanh và gợn gợn. Người chủ nhà dẫn tôi đi một vòng quanh căn nhà, chỉ cho tôi xem từng chiếc cột, từng cánh cửa và nói:

– Căn nhà này tuy đã lâu không có người ở nhưng vẫn còn tốt lắm. Đây, ông xem.

Ông chủ nhà còn nói nhiều thêm nữa, về cái căn nhà mà ông yên trí là hãy còn tốt, nhưng tôi

chỉ ậm ừ cho qua chuyện. Sự thật, tốt hay không thì những bức tường, những chiếc cột loang lổ, xiêu vẹo kia đã nói nhiều với tôi rồi. Điều làm tôi chú ý không phải là ở sự xấu tốt đó mà chính là cái không khí của căn nhà ngay từ lúc mới vào tôi đã cảm thấy khác lạ.

Người chủ nhà, sau khi dẫn tôi đi thăm khu vườn sau, còn dẫn tôi lên căn lầu gỗ ọp ẹp trông xuống một cái lạch bẩn thỉu. Và, sau cùng thì chúng tôi nói chuyện với nhau về giá thuê nhà. Vốn đang cần nhà và thấy chỗ này cũng yên tĩnh, ít xe cộ qua lại, đường cái thì xa đỡ phải chịu cái nạn bụi thành phố nên tôi và ông chủ nhà đã đi đến sự thỏa thuận không mấy khó khăn.

Buổi chiều hôm ấy, sau khi chống trước sáu tháng tiền nhà, tôi lãnh chìa khóa cửa căn nhà và dọn đồ xuống ở liền. Vì biết trước là không có điện nên tôi đã mua sẵn hai hộp đèn cây đem theo. Phải mất hai tiếng đồng hồ, tôi mới thu xếp được một chỗ ngủ và một chỗ viết tạm gọi là tươm tất. Khi xong thì trời bắt đầu choạng vạng tối.

Tôi khóa trái cửa lại rồi lững thững ra phố ăn cơm chiều. Trên đường về tôi cũng không quên tạt vào một tiệm tạp hóa mua một lạng cà phê và một gói thuốc thơm. Mang hai thứ đó về nhà, tôi nghĩ đến cuốn truyện dài đang viết dở, định tâm là đêm nay sẽ cố thức viết cho xong thứ hai.

Tám giờ tối, tôi ngồi mơ màng trước bàn viết. Những ngọn đèn cây lung linh sáng chung quanh. Tập bản thảo dây cộm nằm trước mặt. Cạnh đó, chiếc phin cà phê thông thả nhỏ từng giọt óng đen xuống chiếc ly mới mua hồi chiều. Vì bàn viết kê ngay ở bên cửa sổ nên tôi có thể ngồi ngay ở đó ngắm cảnh vật bên ngoài lúc bấy giờ đang dưới ánh trăng mười bốn. Những tàu chuối, những bụi cây dại và những khóm cúc già xao động trước gió. Mùi dạ hương thơm ngát đưa vào chỗ tôi ngồi. Bốn bề thật là yên tĩnh.

Qua bờ rào, căn nhà của cặp vợ chồng người đánh xe thổ mộ lụp xụp sau bóng những cây vú sữa, hắt ra một thứ ánh sáng yếu ớt, vàng bệch của ngọn đèn dầu hôi. Tiếng chân ngựa lộc bộp khua muối vang lên. Xa chút nữa là biệt thự Hoài

Hương mà, theo lời người chủ nhà của tôi kể lại, thì chủ nhân biệt thự đó là một ông già mù. Ông ta ở đó với một người con gái đã luống tuổi không có chồng và một đứa cháu nhỏ. Người con trai lớn của ông đi khu tù hồi 1948 và biệt tích luôn từ ngày đó, để lại một người vợ và đứa con nhỏ kia. Người vợ trẻ này về sau vẫn theo lời ông chủ nhà kể lại – lấy một viên sĩ quan quân đội viễn chinh rồi bị chết một cách bí mật trong dịp về thăm cha mẹ. Có nhiều người đồn là chính bàn tay của chồng nàng đã bóp cổ nàng cho đến chết. Đứa con nhỏ lớn lên trong một bầu không khí thê thảm của biệt thự giữa một người ông mù lòa và một người cô gầy yếu, bệnh hoạn.

Tôi nhớ lại lúc ở trên phố về chập tối, đi ngang qua biệt thự đó, tôi có nghe thấy tiếng dương cầm nhẹ vẳng lên và có nhìn thấy bóng một đứa trẻ mười một, mười hai tuổi thấp thoáng sau bụi hồng.

Lúc này ngôi biệt thự đó đã im lặng ngủ. Tôi cố nghe mà không nhận thấy một tiếng động gì ở ngôi nhà đó phát ra. Mãi về sau mới có tiếng ho

xù xụ — cũng không hiểu là của ông già hay của cô gái nữa — văng lên rờn rợn.

Tôi cứ ngồi im như vậy trước một cảnh vật lạnh lùng thiếu sinh khí giống như một bức tranh nhiều màu xám, vờ vẫn nghĩ ngợi. Phin cà phê đã chảy gần cạn. Tôi với gói thuốc lấy một điếu hút rồi pha cà phê uống. Nhắm nháp hương vị cà phê lúc đó và nhìn làn khói thuốc trắng tỏa trước mặt, tôi mới cảm thấy rõ ràng cái ý nghĩa của một sự cô quạnh, thiếu thốn. Có nhiều lúc bức bối về cảnh rộn rịp ngựa xe và phố phường chật hẹp muốn tìm ngay về một vùng quê yên tĩnh nào đó để ở nhưng tới lúc về một chỗ nào yên tĩnh quá mình lại đâm ra nhớ nhung cảnh náo nhiệt của thị thành. Tôi tha thần nghĩ như vậy và nhìn xuống tập bản thảo, bàn tay tìm cây viết trên bàn.

Và, tôi mở rộng trang giấy trắng.

Những dòng chữ bắt đầu được chảy ra từ lòng cây viết.

Không biết là bao nhiêu nữa, tôi say sưa viết quên cả giờ, cho tới lúc ngọn đèn cây trên bàn sập sùi sắp tắt, tôi mới giật mình nhìn lên. Sau khi thay nến, tôi lại tiếp tục viết. Nhưng lần này, tôi bắt đầu cảm thấy khó khăn.

Tôi lấy thuốc lá ra hút rồi đọc lại những đoạn vừa viết. Đêm ngoại ô lạnh như những đêm sang thu miền Bắc. Tôi đọc một lượt những trang bản thảo còn trót mực rồi đứng dậy vào buồng ngủ lấy thêm chiếc áo ấm khoác lên người. Trong lúc tôi đang mặc áo ở buồng ngủ thì tôi thoáng nghe thấy ngoài phía bàn viết có tiếng sột soạt như tiếng người lật giấy. Cho là tiếng gió thổi vào đồng bản thảo, tôi cũng chẳng quan tâm cho lắm. Tới khi vừa quay ra thì tôi lại nghe thấy một tiếng động khô khan nơi bàn viết. Tôi vội vã chạy ra. Những trang bản thảo bị gió thổi tung lên. Và, bình mực trên bàn, không biết bị một vật gì chạm phải đổ lăn lóc trên tập giấy trắng. Tôi nghĩ mãi rồi đành chịu không sao khám phá ra được sự bí mật đó. Sau cùng, tôi cho là tại cơn gió vừa

rồi gây ra, nên định khép cửa sổ lại. Giữa lúc bàn tay tôi nắm vào cánh cửa sổ thì, một hiện tượng kỳ dị xảy ra, ở phía sau nhà anh xe thổ mộ: ẩn trong đám cây mọc um tùm, một vật áo trắng lập là bay lượn. Như một vũ nữ đang uyển chuyển tung mình trong một vũ khúc dưới trăng.

Tôi dụi mắt, định thần nhìn lại. Vật áo trắng vừa rồi đã biến mất. Tất cả trở lại im lặng lúc đầu. Những ngọn đèn cây vẫn lung linh gợn sóng trước gió. Tôi thắp thêm hai ngọn nữa cho căn phòng được sáng thêm. Bấy giờ, ngồi trên ghế, tôi đã có ý quan sát và nghe ngóng từng sự thay đổi chung quanh và từng tiếng động ở căn buồng trong.

Nửa giờ. Rồi, một giờ trôi qua.

Tôi thấy trong người có một liên ngôi ngả người vào chiếc ghế bành rồi thì đôi mắt khẽ nhắm lại, tôi mơ màng ngủ một giấc ngủ chập chờn vào khoảng mười lăm, hai mươi phút gì đó. Tới lúc tôi giật mình tỉnh dậy thì một trong bốn ngọn đèn cây phụt tắt như rõ ràng có một người

đứng gần tôi thổi tắt. Tôi bàng hoàng đứng hẩn dậy. Vẫn không có gì khác hơn lúc trước. Tất cả im lặng một cách nặng nề. Tôi đốt lại cây nến rồi lấy thuốc lá ra hút. Vừa châm xong điệu thuốc thì gian buồng trong lại có tiếng lệt xệt như tiếng chân người đi nhẹ. Tôi nín thở, mồ hôi toát ra. Rõ ràng. Tôi không còn cho là mình mê ngủ nữa. Tiếng chân chạm cả vào những đồ vật cũ của căn nhà mà hồi chiều khi dọn phòng ngủ tôi đã ném bừa bãi vào đó. Đúng. Tiếng chân người. Tôi cất giọng, tuy rất lớn nhưng không giấu nổi hãi hùng:

– Ai trong đó?

Tiếng chân hình như im. Như thế một lúc lâu. Tôi hỏi lại lần nữa. Im lặng hoàn toàn. Tôi lại ngồi xuống ghế. Lần này thì tôi không thấy mệt mỏi gì nữa. Tôi thấy tôi tỉnh táo ghê lắm. Không phải là tôi bình tĩnh mà chính là vì sợ quá nên tôi thấy cần phải tỉnh để đề phòng. Chờ cho bốn bề im lặng hoàn toàn rồi, tôi mới mang cây đèn cày trên bàn viết rón rén bước vào căn buồng vừa phát ra tiếng động kia. Tôi lại còn cẩn thận mang theo cả hộp quẹt để đề phòng nữa. Thật không sao mà

nói nổi cái cảm giác của tôi lúc đặt tay vào cánh cửa buồng và lúc đặt chân vào căn buồng đó. Khi đã đặt cây đèn cây xuống thành chiếc giường rồi, tôi mới lấy hết bình tĩnh đi dạo quanh căn phòng để quan sát, giống như một thám tử đi điều tra một nơi vừa xảy ra án mạng, trên màn ảnh. Mà lúc đó tôi cũng đang làm cái việc điều tra thật. Tôi điều tra cái gì đã làm tôi nghe như tiếng chân người vừa rồi. Vì, tuổi trẻ có bao giờ tin rằng ở thế kỷ này còn có những chuyện Liêu Trai, ma quái? Tôi nhìn cái giường từ đầu đến cuối. Sự phát giác đột ngột ở chiếc giường làm tôi nổi gai ốc khắp người. Chiếc giường có bị xô động thật. Tôi thấy những nan giường lệch lạc và chân giường cũng như bị kéo đi, khác hẳn hồi chiều. Tôi nhớ lại lời của ông chủ nhà nói lúc chiều:

– Căn nhà này bỏ không đã lâu lắm. Thỉnh thoảng tôi lại sai người sang quét dọn nên mới sạch sẽ thế này đấy. Từ ngày ông cụ chủ cũ chết đi, tôi đã cho ai thuê đâu.

Lúc này, tôi mới hiểu rõ câu nói của ông chủ nhà. Ông ta không cho ai thuê cũng có nghĩa như

là không ai muốn ở căn nhà này cả. Như vậy thì những chuyện ma quái đều có cả hay sao? Nghĩ vậy, tôi lại thấy胆大 hơn. Và, tôi muốn tỏ ra, với lòng tin tưởng quyết liệt vào khoa học, rằng chiếc giường bị xô lệch chỉ là một sự tình cờ. Tôi bèn cầm cây đèn cây đi soi lại căn buồng một lần nữa rồi định bụng ra ngoài ngồi viết tới sáng. Khi tôi soi chiếc đèn cây tới chân chiếc thang gỗ, lối đi lên chiếc lầu ọp ẹp, thì tôi bỗng chú ý tới những trang giấy bị xé ở một quyển vở học trò nào đó rơi tung trên bậc thang. Tôi nhớ lại rằng hồi chiều khi lên lầu không có những tờ giấy đó. Tôi cúi xuống lượm lên. Những dòng chữ nghiêng ngả và dập xóa, màu mực hoen ố hiện ra dưới ánh nến. Tôi nhận ra đó là những trang nhật ký. Và, do sự tò mò thúc đẩy, tôi quên cả sợ hãi, lần theo những tờ thư đó, leo lên lầu.

Vừa tới sán gác thì một cảnh tượng hiện ra làm tôi kinh hoàng đến cùng độ. Ngọn đèn cây trên tay tôi một chút nữa thì rơi xuống. Trước mắt tôi, một đồng sách vở và giấy lộn tung tóe như vừa bị ai lục ra và... gần đấy là một bàn tay

người chết đen thui, khô đét. Tôi run run đặt ngọn đèn xuống sàn và dụt dè tiến lại đóng sách cũ, lượm những trang nhật ký bị xé rách xếp lại một chỗ và bắt đầu lục đóng sách. Phần nhiều là những cuốn tiểu thuyết xuất bản hồi tiền chiến. Trên đầu trang mỗi cuốn, có ghi rõ ngày mua và một nét chữ mềm mại ký ở dưới: Anh Thu. Sau cùng, khi đã xem xong đóng sách cũ, tôi tiến lại chỗ có bàn tay người chết. Đó là bàn tay trái của một người đàn ông, trên tay hãy còn một chiếc nhẫn đã bị tụt ra gần khỏi ngón. Tôi lấy mấy cuốn sách cũ úp lên cái bàn tay ghê gớm đó và đem tập nhật ký xuống nhà. Không hiểu sao, lúc đó tôi lại có thể làm những việc ấy một cách bình tĩnh như vậy. Lại một điều là tôi đã bỏ được cái thói quen hàng ngày: không cần tìm nguyên ủy câu chuyện, không cần tìm ra vì đâu mà có bàn tay người chết trên sàn gác nữa. Tôi chỉ nghĩ đến những trang nhật ký đang cầm trên tay.

Ngày 24 tháng 2

... Thế là qua một năm đen tối. Mình lại thêm một tuổi. Không biết là mình có già đi nhiều không? Hai mươi tuổi rồi. Năm nay mình hai mươi. Anh Thanh hai mươi bốn. Ồ, chóng thật... Mới ngày nào mà bây giờ đã ngoài hai mươi cả rồi.

Không hiểu Tết năm nay anh Thanh mừng xuân ở đâu? Đồng Tháp, U Minh hay là lên đênh trên một con thuyền ngược dòng Cửu Long, như lời anh vẫn nói?

Lúc này mình thấy nhớ Thanh quá. Nhớ hơn cả những ngày đầu xa nhau.

Đêm không ngủ

Đêm nay bỗng nhiên gió nhiều. Những cây hoàng lan trước cửa hình như đã rụng gần hết lá. Ở một nơi nào đó, chắc lạnh nhiều hơn.

Mình ngồi trong phòng nhớ đến một phương trời ấy, lòng sót sa quá chừng.

Một ngày không gặp nhau dài bằng ba năm. Thế mà, Thanh ơi! Chúng ta đã không được nhìn thấy nhau hai năm rồi. Hai năm. Bao nhiêu là những đêm không ngủ. Bao nhiêu là sự vật đổi dời. Ngày anh đi, những căn nhà trước cửa chưa có. Ở đấy, ngày xưa, là những mảnh vườn nho nhỏ, có nhiều hoa thơm. Anh còn nhớ không, anh Thanh! Chúng ta đã chăm nom, vun sới từng gốc cây, từng cánh lá. Những buổi chiều, anh và em đã đứng ở đấy hàng giờ, ngắm cảnh mặt trời lặn để rồi kể cho nhau nghe những dự định tương lai. Chắc bây giờ thì anh chẳng còn thời giờ để nhớ lại những chuyện ấy đâu nhỉ? Cuộc đời chiến sĩ của anh đã quay lưng lại dĩ vãng. Em nhớ mãi câu anh nói ngày chia tay. Nhưng mà em thì em vẫn nhớ. Và càng nhớ hơn khi không có anh ở bên, khi anh đã xa em. Mỗi ngày một xa. Em nhớ giọng nói, tiếng cười hồn nhiên của anh mỗi lần gặp gỡ. Hình ảnh chàng học sinh trong anh ngày xưa không lúc nào phai nhạt trong tâm trí em. Em nghĩ:

– Không lúc nào chúng ta quên được những

ngày vui xưa. Vì vậy, em cố gắng giữ lấy nó như giữ lấy tất cả những lời nói mà anh đã cho em. Cuộc đời lửa đạn ngày nay đã cướp mất của em nhiều rồi. Từ những cái nhỏ nhất cho đến cả cuộc đời. Hạnh phúc của em bây giờ là anh. Nhưng mà anh đã không ở bên em. Thiếu anh là thiếu tất cả. Em chỉ còn thấy cuộc sống có ý nghĩa, mỗi lần nhận được những dòng chữ viết vội vàng từ bên kia hàng rào giấy thép gai gửi về mà thôi.

Anh Thanh,

Bao giờ thì anh trở về với em? Bao giờ thì đất nước độc lập và hòa bình như lời anh vẫn nói? Để cho em được nhìn thấy anh, được sống lại những ngày gấm vàng đã qua?

Tiếng súng ở những làng bên kia vọng về. Nghĩ đến những đồn canh, những vọng gác và những người trai mang gậy tầm vông, ôm lựu đạn lăn vào trại địch. Và, những thấy người gục ngã. Những vũng máu tím ngắt. Những cuộc hành quân bố ráp. Dưới trời nắng như lửa đốt, hàng trăm người ngồi chờ đợi khám xét, kiểm soát.

Rồi, những đoàn xe lầm lũi chở những người đi ít có hy vọng quay về.

Thanh ơi,

Em sợ quá. Đã hai tháng nay không nhận được tin tức gì của anh gửi về. Đã có chuyện gì không may đến với anh rồi chẳng? Em cầu nguyện Trời Phật đừng bao giờ để cho em mất anh.

Đêm về khuya càng trở lạnh. Gió thổi nhiều thêm. Không làm sao ngủ được. Cố nghĩ đến những ngày tươi vui sắp đến nhưng chỉ toàn thấy những viễn ảnh tối tăm.

Ngày hôm sau

Cả đêm qua chợp mắt được hai giờ. Hai tiếng đồng hồ kín những ác mộng. Mơ thấy anh Thanh trở về, thân thể đầm máu, mớ tóc rối bù.

Buổi sáng đọc báo thấy tin mới có một cuộc hành quân ở vùng T. Đúng là nơi anh Thanh ở

đấy hai tháng trước. Minh lo quá. Nếu chẳng may...

Không dám nghĩ gì nữa.

.

17 tháng 4

Vừa nhận được thư của Thanh. Lá thư ngắn ngủi quá. Mình đọc đi đọc lại những dòng chữ của anh viết mà nao lòng. Chắc là anh bận lắm đây. Thư gì mà nguệch ngoạc mấy dòng:

Nhớ em lắm. Vững tin ngày về rất gần. Cho hỏi thăm những người quen. Vãn mạnh.

Anh Thanh,

Em không bằng lòng anh viết ngắn thế này đâu. Lần sau mà em nhận được như thế này thì em gửi trả lại anh đấy. À, mà sao anh không để lại địa chỉ cho em liên lạc. Bí mật quân sự chẳng? Đến em mà anh còn giấu nữa sao? Mà dù cho anh muốn giữ bí mật nơi anh đóng quân thì anh

cũng phải cho em biết một chỗ nào anh có thể đến nhận thư được chứ? Tại sao thế hả anh? Em giận anh rồi đấy. Chẳng có lý nào! Không, em không tin là anh muốn cho em bị khổ sở.

Không viết được thư cho anh, em ghi vào cuốn sổ riêng này để khi nào anh chiến thắng trở về, em sẽ tặng lại anh. Cho anh biết là em yêu anh như thế nào. Cho anh biết là không gì ngăn cản được tình yêu của em với anh.

.

29 tháng 5

Lại bật tin anh. Khó cho em là không biết hiện giờ anh ở nơi nào. Nếu em biết chắc chỗ anh ở thì em nhất quyết trốn nhà bỏ ra khu tìm anh.

Hôm qua có mấy người ở trên khu về. Hỏi thêm chẳng ai rõ anh ở đâu cả. Người nào xem chừng cũng bận rộn và quan trọng cả. Chắc anh cũng vậy, phải không, anh? Có một điều làm em

thắc mắc là những người kia đã nói chuyện với em một cách lạnh nhạt quá chừng. Khác hẳn ngày xưa, mỗi lần có dịp về thành, họ lại đến nhà em, chuyện trò vui vẻ. Ba má cũng nhận thấy điều ấy và hơi buồn. Tại sao thế, anh?

Em sót sa quá. Thanh ơi. Làm sao mà gặp được anh đây? Để mà hỏi cho rõ những điều em đang thắc mắc. Để được gục đầu vào vai anh mà khóc như ngày xưa và nghe anh thì thầm khuyên dỗ.

Nếu cứ thế này mãi, em sẽ điên lên mất. Không còn hiểu ra sao nữa. Thư anh thì không có. Muốn viết cho anh thì chẳng biết nơi nào mà gửi.

2 tháng sáu...

Làm sao mà mình thấy bút rút, khó chịu thế này không biết nữa. Lo ngại quá. Linh tính báo cho mình biết hình như sắp sửa có chuyện gì xảy tới.

Hôm qua, đi chợ về thấy Ba tiếp một người

khách lạ. Lúc mình mang nước lên phòng khách, thấy ông là chăm chú nhìn mình như nhìn một món hàng để đánh giá. Mình khó chịu vào ở hẳn trong nhà không thêm ra nữa.

Buổi sáng nay, thấy Má gọi chuyện chồng con ra nói với mình. Thôi, đúng rồi. Mình nghe rồi muốn khóc.

Buổi tối

Anh Thanh ơi,

Anh có thể tin được điều em sắp nói ra đây với anh không? Buổi chiều trong bữa cơm Má đã hằn cho em rõ là hiện nay đã có người cạy mai mối lời hỏi em đấy. Thấy Má hỏi ý kiến, em chẳng biết trả lời ra sao nữa. Em chỉ nghĩ đến anh. Nghĩ rất nhiều về anh. Ô, nếu mà có anh ở đây lúc này thì có phải là em dễ thừa chuyện với Ba Má biết mấy?

Tối nay Ba Má cho em đi coi hát nhưng em xin phép ở nhà. Để được ngồi vào bàn viết, coi

lại những lá thư xưa của anh viết cho em hồi anh mới ra đi. Em coi lại rồi gục đầu trên những tờ thư ấy, nước mắt trào ra. Những lời thư anh viết cho em ngày xưa sao bây giờ em thấy nó khác xa quá anh à. Ngay cả đến những dòng chữ anh viết nữa. Màu mực ngày xưa đậm đà, nét chữ ngày xưa nắn nót, bây giờ thì thật là không còn gì nữa. Em có ý nghĩ rằng tất cả đã xa lánh em. Ngay cả anh nữa. Anh cũng muốn cho em bị cô độc, sống trong buồn tủi héo hon. Nhưng nghĩ cho kỹ, em đã có điều gì lầm lẫn với anh đâu? Em vẫn một lòng tin tưởng các anh, tin tưởng bằng tấm lòng chung thủy, chân thành của em. Cuộc đời em đã phó thác trong tay anh. Tương lai của em đặt vào tương lai của anh. Vậy mà tại sao, anh lại nỡ ruồng bỏ em, không cho em được biết nơi anh ở, chốn anh đi, anh Thạnh?

Hay là nếu anh đã cố tình muốn quên em (vì hai năm rồi, lòng người giữ sao được như buổi đầu nguyên vẹn?) thì anh hãy tin cho em biết. Em sẽ cố gắng chiều ý anh. Em sẽ ráng chịu tất cả những đau thương của sự tan vỡ này. Và, như

thế anh đỡ thắc mắc về em. Anh có thể yên tâm theo đuổi công việc của anh và anh cũng có thể yên tâm mà tính chuyện hôn nhân với một người nào xinh đẹp hơn em, khôn khéo hơn em. Mà những người như vậy ở bên cạnh anh thì thiếu gì. Những chị cán bộ, những chị...

Nhưng, thôi em chẳng muốn viết thêm ra đây làm gì nữa. Có thể là từ nay, em sẽ không cầm đến tập sách này nữa. Em sẽ giấu nó vào đáy hòm như em đã chôn tận vào đáy lòng những hình ảnh cũ.

Anh Thạnh! Em chỉ xin anh hãy biết cho em là không bao giờ em có thể quên được anh. Không bao giờ. Mãi mãi anh là của em dù cho anh có quên em. Nếu sau này chúng ta không có hoàn cảnh được nhìn thấy nhau nữa thì anh hãy về đây, về căn nhà đầy những kỷ niệm thương yêu này, lục hòm em tìm lại tập sách em đang viết này mà nghe em nói những lời tự đáy lòng em. Có ngày nào không, hả anh? Có ngày nào anh sẽ về đây nữa không?

Những tưởng là không bao giờ trở lại tập sách này nữa nhưng không thể được. Nhớ Thanh quá. Lại phải tìm ở đây hình bóng của anh, hình bóng của những ngày yêu thương xa xưa.

Hình như Ba Má đã quyết định về việc hôn nhân của mình. Thấy vẻ mặt quan trọng của Ba và lo lắng của Má, mình đành chịu không dám hỏi. Nhưng mà mình chỉ có anh Thanh. Chỉ có anh. Chỉ có mình anh. Dù ba, má muốn bắt tội thế nào mình cũng cam chịu. Vì anh Thanh. Vì tình yêu bất diệt. Mình sẽ chống đối đến cùng cuộc hôn nhân gán ép này. Chẳng hiểu có được hay không? Chín phần mười là thất bại. Mặc! Cho đến giờ phút cuối cùng mình vẫn chỉ có một người để trao gửi cuộc đời.

Buổi tối,

Ăn cơm xong, má lại đem chuyện hôn nhân của mình ra nói. Biết ngay mà. Trước sau gì rồi cũng đến cái phút này. Mình ngồi im để nghe mà

nói suốt từ đầu tới cuối, không hề phát biểu qua một ý kiến nào. Má kể lại với mình cả một tiểu sử ghê gớm của ông rể tương lai. Nào ông năm nay tuy gần bốn mươi nhưng vẫn còn trẻ như trai mười tám. Ông có ba tiệm buôn bán lớn ở Sài Gòn, lại là người đứng đắn, đàn ông không hề biết chơi bời, đàn ông điểm là chi. Má bảo:

– Con cứ nghe lời má đi. Sớm muộn rồi con cũng phải có một người chồng. Ba má già rồi. Con phải nghĩ đến tương lai mà nghe lời ba má. Thương con, ba má muốn cho con được sung sướng. Người này họ thương con lắm. Họ nói là nếu ba má chịu họ thì tháng sau họ xin cưới ngay.

Má còn nói nhiều về ông rể lý tưởng ấy nữa nhưng mình còn đầu óc nào mà nghe. Mãi tới lúc má hỏi:

– Thế nào, con chịu chứ?

Mình mới bàng hoàng, ấp úng trả lời:

– Má... Má cho con nghĩ chút đã...

Má cười vuốt ve làn tóc mình:

– Còn nghĩ gì nữa, con? Ba má đã nhận lời rồi.

Không hiểu sao lúc đó người mình lạnh ngắt đi. Như có một làn gió mạnh thổi tới. Mình nhắm nghiền mắt lại và chẳng còn biết gì nữa.

Cho tới lúc này ngồi nhớ lại, mình còn cảm thấy ớn lạnh khắp người. Kể cũng lạ. Khi nghĩ đến chuyện hôn nhân thì mình tưởng rằng mình có thể phản đối kịch liệt được vậy mà lúc nghe mà nói mình lại không còn đủ bình tĩnh để nghe nữa. Tại làm sao mình yếu đuối quá như vậy?

Mệt quá. Không sao viết được nữa. Mà cũng chẳng biết nên viết những gì ra đây nữa. Nghe có tiếng anh Thanh gọi ở ngoài nhà. Để em cất cuốn sách này rồi ra với anh ngay.

Một ngày cuối tháng 6

Thế là hết. Hoàn toàn tuyệt vọng. Chán chường ghê gớm. Mình ngán cả việc ghi vào đây

những ý nghĩ của mình trong gần một tháng nay. Từ cái hôm mình ngất đi đến giờ đã có bao nhiêu chuyện đổi thay. Hình như chỉ còn nửa tháng nữa là đến ngày cưới của mình. Ngày cưới! Ô, thật là mĩ mai...

Tin tức của anh Thanh vẫn chẳng thấy. Thế là nghĩa lý gì? Vô lý mà những lời mình đoán lại đúng. Anh Thanh phụ mình? Phụ mình? Trời, thật khó tin quá. Không! Chẳng bao giờ lại có chuyện ấy phải không, anh? Anh yêu quý của em? Có đúng như vậy không? Phải trả lời cho em được biết, nếu không em sẽ không thèm nói chuyện với anh nữa đâu...

Ồ, mà mình điên rồi. Anh Thanh có ở đây đâu. Anh ở xa lắm, ở mãi tận chân trời mờ mịt rừng núi kia làm sao mà nói chuyện với mình được. Thanh ơi, anh có nghe thấy tiếng kêu cứu của em ở đây không?

Ba giờ sáng

Đang ngủ chợt thấy tiếng Thanh gọi mình

vùng trở dậy. Bốn bề vắng ngắt. Mình nhìn ra cửa sổ. Trời đầy trăng. Mùi dạ hương mới thơm làm sao. Đẹp quá. Lâu lắm mới có một đêm đẹp như thế này. Không biết những kẻ đang bắn giết nhau ở ngoài kia có nhận thấy như mình không?

Anh Thanh, bao giờ anh mới về cùng em để chúng ta lại được ngồi bên nhau trong một đêm nhiều trăng như đêm nay?

Lại có tiếng súng nổ. Mà có vẻ gần đây lắm. Tiếng đạn xé không khí đêm khuya réo lên ghê rợn. Rồi, tiếng chó ở bên kia lạch sủa vang.

Thế là đêm trăng không còn nữa. Con mèo Ly Ly nghe tiếng chó sủa sợ hãi nhảy lên lòng mình. Đôi mắt nó xanh lên như thủy tinh, ngược nhìn mình như cầu xin một sự bảo vệ. Ly Ly ơi! Tao cũng đang cần một sự bảo vệ đây...

o O o

Tới chỗ này thì tập nhật ký bị xé đến mười trang. Tôi xếp những tờ vừa xem lại và thảp thêm

hai cây đèn cây nữa. Có lẽ đã vào khoảng bốn giờ sáng. Chiếc đồng hồ tay chiều hôm trước quên không lên dây. Hai chiếc kim ngừng lại ở con số mười hai. Bên ngoài, trăng đã lặn từ lâu. Trời tối xẫm. Gió vẫn lạnh như lúc nửa đêm. Tôi nghĩ đến người thiếu nữ trong tập nhật ký vừa rồi. Tôi nhớ lại cái vạt áo trắng tung bay dưới trăng hồi nãy và liên tưởng tới những oan hồn hiện về dương thế trong những thiên Liêu Trai huyền ảo. Những người thiếu nữ chết trẻ đem về bên kia trần lụy cả một khối u uất của một cuộc tình duyên lỡ dở.

Bây giờ thì cơn sợ hãi lúc đầu đã qua. Tôi cảm thấy rất bình tĩnh và có một ý nghĩ kỳ quặc là muốn được thấy người thiếu nữ trong tập nhật ký hiện lên. Hẳn là nàng đẹp và buồn lắm. Mỗi buồn sâu như đôi mắt của nàng. Và, nàng xoa tóc trước gió, suối tóc chảy dài trong đêm tối như vô tận. Tôi tưởng tượng thấy như vậy.

Tiếng gà từ bên nhà người đánh xe thổ mộ cất tiếng gáy. Tôi hút hết điếu thuốc lá cuối cùng còn lại trong bao thuốc mới mua hồi chiều rồi

cúi đầu đọc tiếp những trang bút ký không ngày cuối sách...

o O o

Bàn tay...

Anh gửi về cho em bàn tay của anh. Bàn tay khô đét bọc trong một vuông lụa và những dòng chữ cuối cùng anh viết trong lao tù.

Anh Thanh. Nếu đây không phải là bàn tay của anh thì em đã chết giấc ngay rồi đấy. Nhưng mà đúng là bàn tay của anh. Chính bàn tay ngày nào còn vuốt tóc em, còn nắm chặt lấy tay em và dắt em đi trên đường về nhà vào những ngày mưa trơn ướt. Em nắm chặt lấy cái kỷ vật cuối cùng này, ấp nó vào má em tưởng như có anh ngồi cạnh.

Người bạn mà anh nhờ mang hộ thư và bàn tay này về cho em đã kể lại với em tất cả những gì xảy ra về anh. Thì ra, em đã nghĩ oan anh. Trong những tháng ngày đen tối, đợi chờ, khổ sở và

tuyệt vọng vừa qua đã có lúc em nguyên rửa sự phụ bạc của anh. Bây giờ biết ra thì không còn gặp anh để mà xin lỗi anh nữa.

Anh Thanh, em không bao giờ nghĩ đến là anh bị giam cầm ở ngoài ấy đấy. Người bạn anh đã, cho em biết là hồi đầu năm ngoái anh đã bị chúng theo dõi, sau khi gửi về cho em lá thư cuối cùng là anh bị chúng giam ngay. Khốn nạn! Thật khốn nạn! Anh gửi thư cho em mà chúng nỡ kết tội là liên lạc với địch hay sao? Thế ra, em là đối phương, là kẻ thù của anh à? Mà có lẽ cũng thật đấy. Vì cứ như lời người bạn cùng vượt ngục với anh về đây kể lại thì chính em đã giết anh. Chính những lá thư của em gửi ra cho anh đã làm ngịch ý gã chính trị viên trong đoàn của anh.

Bây giờ thì biết nói làm sao nữa đây. Anh đã gục ngã, không phải là trên chiến trường như anh vẫn thường mơ ước, mà là chết vùi rập trong một xó rừng biên giới. Đau tủi thay cho cuộc đời chiến đấu của anh. Em không còn nước mắt để khóc anh nữa. Đau thương đến với em rộng lớn quá, như ở một vực thẳm, như trong một đêm

sâu. Em không còn phân biệt nổi. Hình như em đang từ từ đi về phía anh gọi ở bên kia trần lụy, đôi mắt anh lấp lánh nhìn em. Vẫn nụ cười ấy, vẫn mái tóc ấy của anh ngày xưa.

Em hôn lên bàn tay khô lạnh của anh. Những ngón tay đã chết nay như sống lại, vuốt ve làn tóc rối của em. Em nhớ đã có những lần, khi anh còn ở bên em, em đã ngồi ngoan ngoãn cắt móng tay cho anh và trong một phút vô ý, em đã làm ngón tay trở của anh bị rớm máu. Em thấy nét mặt anh nhả lại trong một cái cười gượng gạo. Bây giờ, nhớ lại em hãy còn thương anh. Và, càng thương hơn khi nghe người bạn kể lại rằng khi chết trong rừng anh cũng đã cười như vậy. Anh mang ảnh của em ra nhìn một lần cuối bằng một nụ cười đau đớn ấy rồi toàn thân anh gục xuống. Như một chiếc lá rơi, có phải không anh? Em nhắm mắt lại, tưởng thấy một chiều nào, em cũng như anh. Đúng thế. Em chờ đợi cái ngày ấy. Từng giờ. Từng phút... Như chiếc lá rơi...

Đoạn chót của tập nhật ký hết ở những dòng chữ lơ lửng đó. Tôi cố tìm trong đồng giấy vụn đã lượm được mong tìm thêm một trang nào nữa nhưng thất vọng. Ở những trang giấy vụn kia toàn những dòng chữ viết lằng nhằng không nghĩa. Tôi thu gọn đồng giấy vào thành một tập rồi đứng dậy. Trời đã sáng rõ. Những ngọn nến cũng bắt đầu cháy đến cuối. Tiếng xe cộ chạy ngoài đường ồn ào vọng vào. Phía bên, anh xe thổ mộ cũng đã bắt đầu thẳng ngựa. Tôi nhìn sang tiếng người vợ nói với chồng:

– Nè, mình coi, con mèo nhà bên tề quá. Đêm nào nó cũng tha những manh áo cũ ở đâu về nhà mình thế này, chịu sao nổi!

Tôi mỉm cười, chợt nghĩ đến cái hình ảnh vạt áo múa lượn như tấm thân vũ nữ uyển chuyển dưới trăng đêm qua. Và, những tiếng lục đục trên lầu, trong buồng cùng với những trang sách rối tung và lo mục đổ. Tất cả đều do con mèo hoang kia gây ra. Tôi nhớ lại trong đoạn nhật ký vừa coi

hình như có chỗ nói đến con mèo Ly Ly. Chắc là con Ly Lý đáng thương đó sống vất vưởng quanh đây, đêm đêm mò về căn buồng cũ để tìm lại những ngày được nâng niu khi xưa. Khám phá ra được sự bí mật hãi hùng đêm trước, tôi thấy yên lòng về căn nhà đang ở. Và, tôi mặc áo ra phố ăn sáng.

Trời lúc đó mưa lâm râm

THANH NAM

QUA CÁC BỘ MÔN VĂN NGHỆ

Bài của Mai Thảo — Hấu Anh

— Mặc Đỗ — Nguyễn Đăng

AI CÓ QUA CẦU – TÂM BÚT của HOÀI ĐỒNG VỌNG

Quan Điểm xuất bản

Từ hình ảnh “cúi đầu sao khóc bể chán chường” của người tự tử đến phản ứng hồn nhiên tức khắc của người đi chữa cháy... giữa hai biểu tượng cực đoan – tôi đã tìm thấy hệ thống suy diễn tư tưởng Ai Có Qua Cầu của Hoài Đồng Vọng. Cố nhiên là hết sức tổng quát. Truy tìm nguyên lý của từng vấn đề đã được đem hai cái bóng mang ra tranh luận đòi hỏi một bài viết có thể dài hơn cả chính cuốn sách, mà 13 phần 167

trang tuy hình thức tưởng như lê thê kéo dài vẫn chỉ mới có những nét lớn được phác lên. Ý chính tôi thấy là: mặc dầu đắm chìm trong một hiện trạng nào đen tối u uất đến đâu con người vẫn cứ tượng trưng cho một ngọn đuốc cháy, nó điển hình cho một ý thức quyết định: muốn bỏ đêm về ngày lúc nào cũng thấy, cũng được.

Chúng ta không bao giờ chịu vui lòng với thân phận những sinh vật khổ đau chỉ biết thở than và bó tay nhẫn nhục trước hoàn cảnh. Giờ phút có thể cực kỳ bi quan nhưng nhất định không có giờ thứ hai mươi lăm. Chịu đựng, nhưng không phải chỉ có chịu đựng. Sự sáng tỏ tối hậu bao giờ cũng có cũng tới. Vực thăm đẫm đuối chúng ta, không bao giờ chôn chết được chúng ta. Chính vì những “trở chiều” anh dũng ấy mà bao lần thập tử nhất sinh, nhân loại vẫn phản động kịp thời trước hiểm họa và vẫn mở được những hướng vui cười vào tháng ngày chưa tới.

Sức mạnh vĩnh cửu của con người chính là ở sức mạnh ý thức cuối cùng này, nó giúp cho riêng cá nhân con người tồn tại cho toàn thể được cứu vãn, cho lịch sử, cho cách mạng có được những đảo lộn cần yếu. Nghĩ thế chúng ta sẽ không thấy Ai Có Qua Cầu qua hình ảnh một bể chán chường mà trên đó có một vì sao cúi đầu khóc lóc thở than. Người tự tử lao mình vào đám cháy rồi, thì chính y lại có quyền thiết tha tin tưởng. Lửa đỏ ngọn trong lòng thế kỷ nhưng tất cả đã qua cầu.

Những nỗi đoạn trường trùng điệp chúng ta đi qua bằng máu huyết và nước mắt của chúng ta chỉ là những yếu tố lịch sử đẩy tới sự thành hình của con người ý thức đang trưởng thành. Bởi vậy mà theo tôi, về phía tiếp nhận của người đọc. Ai Có Qua Cầu hàm chứa một tác dụng tốt đẹp. Những chuyện buồn của một vở kịch vui. Chỉ cần đọc cẩn thận và tìm ra được ngọn ngành của một hệ thống suy diễn, lúc phơi mở, lúc chứa giấu – kỹ thuật diễn tả đặc biệt của Hoài Đồng Vọng là

tức khắc gặp được nụ cười và niềm tin vui ấy. Đó cũng là nụ cười, niềm tin vui của người đau rồi lại khỏe, hấp hối đã sống lại, và lên đường.

MAI THẢO

TẶNG PHẨM CỦA TRÙNG DƯƠNG (GIFT FROM THE SEA) CỦA ANNE MORROW LINDBERGH.

Nhà xuất bản Như Nguyệt

Tập sách nhỏ bé xinh xẻo đến với tôi u trầm như một cơn gió nhẹ. Những dòng chữ rất gợi cảm và tế nhị của nữ sĩ Anne Morrow Lindbergh dẫn người đọc đi vào thế giới thâm kín của tâm hồn. Sự suy nghiệm của tác giả về cuộc sống. “Những cuộc đời thâm thâm hàng ngày” như câu thơ của nhà thi sĩ nọ.

Có thể gọi đây là một tập tùy bút, sự suy tưởng bắt đầu từ những sự kiện thường thức nhất: buổi đi chơi trên bãi biển, ý nghĩ từ một vỏ ốc, vỏ sò, vỏ con bạch tuộc. Vậy mà lại là tâm trạng của bao nhiêu con người với đời sống quanh mình.

Qua ngòi bút của nữ sĩ Anne Morrow Lindbergh ta thấy tất cả những nỗi thắc mắc, những câu hỏi thường trực hằng cửu của Người.

Nữ sĩ giải quyết, không những riêng cho mình, mà lại cả cho thời đại bà đương sống. Nếu cho rằng người làm văn nghệ là người nói được điều mà người khác không nói được thì nữ sĩ đã thành công. Cuốn “Tặng phẩm của trùng dương”, chẳng những là một tập văn xuôi mà còn mang tính chất của một tập thơ triết lý.

Sự phong phú của tâm hồn được A.M. Lindbergh biểu diễn bằng lời văn giản dị nhẹ nhàng mà ở bản dịch của Trần Minh cũng mang lại được cái tinh tế của nguyên bản nên tôi thấy rằng: ít ra, đây cũng là một tập sách đáng đọc.

HẦU ANH

ĐỌC « NAM ET SYLVIE » của NAM KIM

Cứ kể thì cuốn tiểu thuyết «Nam et Sylvie³» mới xuất bản tại Ba Lê sẽ rất mau chìm vào trong cái rừng sách mỗi tháng lại mọc thêm đông ở Pháp. Phần thưởng Louis Barthou do Hàn Lâm Viện Pháp tặng sẽ không làm tăng thêm sự chú ý của độc giả quá số mười cuốn sách bán thêm, tuy rằng ở Pháp vẫn còn phong trào tìm biết những chuyện xa xôi. Nhưng một người Việt chịu khó xuất bản một tác phẩm bằng Pháp văn ở Ba Lê và kỳ khu đến được một giải thưởng, dù lẫn vào nhiều giải thưởng khác hằng năm, của Hàn Lâm Viện, đó cũng là những lý do gọi sự chú ý của độc giả Việt.

Sau hai đêm khổ công đọc hết tập « Nam et Sylvie » cảm tưởng của người đọc không khác gì của một người đương lúc oi ả tính đi ra bờ sông

3 Nam et Sylvie của Nam Kim, Plan xuất bản, Ba Lê, 1957

hông gió thì gặp một anh bạn sơ giữ lại và bắt ngồi chịu chuyện với anh ta hằng mấy giờ liền, câu chuyện lại là một câu chuyện tình rất riêng tây.

Nam, chính cái anh bạn khéo vô duyên đã giữ ta lại trong căn phòng oi ả, là một sinh viên Việt, vào khoảng năm 1935, đang sửa soạn để thi tốt nghiệp trường Cao đẳng Sư phạm. Anh ta cho biết đã chọn phần thạc sĩ văn phạm. Bất đồ anh bắt yêu một thiếu nữ Pháp, Sylvie. Mỗi tình của hai người cũng không ra ngoài khuôn khổ bình thường: những cuộc hẹn hò, những đêm trăng, những buổi sáng trời đẹp, hai tâm hồn thơ thần quẩn quýt, chần gối đôi khi, rồi giận hờn, lăm lỡ, nhiều nước mắt của chàng trai khóc một mình, rồi cắt nối, và sau cùng dứt hẳn, chàng sinh viên thuộc địa về xứ, nàng đi lấy chồng. Bấy nhiêu tình tiết trong hai trăm bốn mươi trang giấy.

Câu chuyện tình của mình, ai mà chẳng nung niu? Biết bao nhiêu khám phá, đối với riêng mình và đôi khi san sẻ được cả với người yêu.

Nhưng đem viết ra (hay giữ người ta lại trong mấy giờ nóng bức) đó lại là một vấn đề hoàn toàn khác. Nhất là tác giả dường như là một người trí thức, lại được Nàng bảo rằng rất thông minh, anh ta cố chối cãi mãi nhưng rồi sau cũng nhận vậy (tr. 235). Một người thông minh, lại được mẹ Nàng công nhận là lễ độ và duyên dáng (« un Nam d'une politesse raffinée, d'une grace exquise », tr. 80), mà chịu khó dàn trải trên hai trăm bốn mươi trang giấy nào những màu nhạt ký, nào những đoạn thư của chàng, của nàng, những cảm xúc của riêng hai người, những tâm tư vụn của riêng hai người, những khía cạnh tâm lý không xúc động đến người thứ ba? Đó là một dấu hỏi lớn không tài nào đáp nổi cho những người yêu cái đẹp, thích thưởng thức những sáng tác phẩm nghệ thuật

Thật vậy, dù có dễ tính đến như những ông Hàn Pháp, cũng không thể nhìn « Nam et Sylvie » là một tác phẩm nghệ thuật. Một tác giả ở thế kỷ thứ hai mươi, viết cho người đương thời đọc, không thể tẩn mẩn, vụn vụn ngồi tâm

sự như ông Nam Kim. Biết bao nhiêu mỗi bất bình làm ngao ngán cả đến những cô midinettes, huống chi là một người cầm bút! Mà cho dù ông Nam Kim có dụng ý muốn khơi nước mắt các cô midinettes ấy, như Delly và các tác giả - tiểu thuyết hồng thì tác phẩm của ông cũng còn thua kém về phương diện xây dựng và tình tiết. Một cuốn tiểu thuyết đâu có phải là một cái cớ để tác giả làm văn, chơi chữ, phô bày những nét hóm hỉnh và phân vua với độc giả rằng mình là một tâm hồn cao thượng, nhiều ý nhị, hay nhũn nhặn tự nhận là có thông minh. Hai trăm bốn mươi trang giấy đầy rẫy cái tôi to tướng của tác giả – cứ cho là vậy vì theo lời quảng cáo «Nam et Sylvie» là một câu chuyện có thực – nghệ thuật không còn cách nào để chen chân vào. Cứ kể thì không thiếu những tiểu thuyết viết theo ngôi thứ nhất, nhưng cái ngôi thứ nhất trong « Nam et Sylvie » chỉ sống độc có cái tôi đơn chiếc của anh chàng Nam. Câu chuyện của Nam thành ra rất thật mà lại không thật chút nào. Một thanh niên của thế kỷ thứ hai mươi nếu vì một sự éo le kỳ quặc nào mà bị bắt buộc sống lại màu đời của Nam tất sẽ

ra Cầu Mới (Pont Neuf) nhảy tòm xuống sông Seine hay về Bắc Việt làm tôi tớ cho cộng sản cho rồi đời.

Một bi kịch của tuổi trẻ (le drame de sa jeunesse) theo lời quảng cáo ngoài bìa sách) nếu chỉ phẳng lặng như vậy thì tốt hơn hết là cứ bằng lòng sống một cuộc đời bình thản, không bi kịch, còn hơn. Đem câu chuyện thực vào sách và đòi hỏi tới nghệ thuật, quả tình anh chàng Nam trong truyện của ông Nam Kim đã đem những tâm sự bấy lâu ấp ủ ra trước gió bão của công chúng. Nhưng biết làm sao, độc giả phải đòi hỏi nghệ thuật khi nói chuyện nghệ thuật, tâm sự của Nam đã in thành sách và ném vào thị trường văn hóa.

Tuy nhiên, nếu chiều ý tác giả và chỉ nghĩ đến thưởng thức văn Pháp, ta cũng nên dành những lời khen ngợi cho một sự cố gắng luyện tập Pháp văn của một người Việt. Câu văn của ông Nam Kim, cách diễn đạt của ông quả đã tới trình độ nắm vững cây bút Pháp văn. Một người Việt nếu đã có dịp viết Pháp văn và nay đọc văn ông Nam

Kim tất sẽ nhận thấy rõ rệt sự cố gắng Pháp hóa và tự cho phép phỏng đoán rằng tác giả là người Việt⁴.

Ban tặng giải thưởng Louis Barthou cho một tác giả Việt viết truyện tâm sự của anh chàng An-namite tên là Nam, Hàn lâm Viện Pháp đã làm một công việc rất là ý nghĩa.

MẶC ĐỒ

⁴ Phỏng đoán như vậy vì hồi xưa có một ông người Pháp, viết văn Pháp, ở xứ Đông Dương cũ, lại rắc rối ký tên là Mặt Trời với đủ dấu nặng dấu huyền cẩn thận.

CHỐNG MÁC XÍT
của
NGUYỄN KIÊN TRUNG

Nguyễn Đình Vượng xuất bản

Đánh vào thành lũy lý thuyết chủ nghĩa Cộng Sản, cái vốn của người viết sách báo, chống cộng trên địa hạt văn hóa không thể chỉ đơn thuần là những kinh nghiệm bản thân. Kinh nghiệm xương máu đành là quý báu nhưng chưa đủ. Năm dấm, phát súng phóng ra theo chiều cảm thù có thể rất mạnh nhưng có thể phóng vào khoảng không. Bí quyết đánh thắng vẫn là đánh trúng vào chỗ yếu, kẽ hở. Vấn đề am hiểu thấu đáo chủ nghĩa đối phương (sự kiến trúc của thành lũy địch như thế nào) do đó cần phải đặt ra. Vì sự cần thiết tất nhiên một phần, một phần vì sự thiếu sót đáng tiếc trong một số tác phẩm đầy nhiệt huyết

nhưng tác dụng chỉ tương đối, bởi người viết mới nhìn thấy địch qua những âm mưu chiến thuật mà bỏ quên phần truy tìm nguyên nhân sai hỏng ngay từ nền tảng, từ gốc rễ của hệ thống lý thuyết đối phương.

Từ trước đến nay những lý thuyết gia mác xít vẫn tự hào, và một số người thiếu lập luận vững chắc vẫn tin tưởng là chủ nghĩa của Marx-Lénine với những bổ chính vội vã của những lãnh tụ đương thời là chủ nghĩa duy nhất được xây dựng trên một căn bản lý thuyết tiến bộ nhất, khoa học nhất, bất khả xâm phạm. Thực ra, những biến cố lịch sử trên khắp thế giới và trên chính đất nước chúng ta đã chứng minh hùng hồn rằng cái chủ nghĩa mà đối phương mệnh danh là khoa học và tiến bộ nhất ấy đang bị lay đổ từ nguồn gốc lay đổ đi. Nhưng không phải chỉ vì những biến cố ấy mà sự sụp đổ của cộng sản mới lộ liễu.

Ngay trong lý thuyết đã có rồi. Như thế nào? Đó là trọng tâm của bản thuyết trình mà Nguyễn Kiên Trung đã muốn làm sáng tỏ trước chúng

ta. Căn cứ vào những phương pháp áp dụng mới nhất của Cộng sản, hoặc vào những thí dụ khách quan khoa học, ông muốn minh chứng rằng sự thất bại của Cộng sản là nguyên nhân của những lỗi lầm căn bản ngay từ lý thuyết. Tuy không phát triển và đề cập được toàn thể vấn đề, nhưng những điểm ông nêu ra đều vững vàng và nhiều chỗ có được những khám phá đáng kể.

Giá trị của bản thuyết trình nằm trong hai tác dụng: 1) Vạch ra một số kẻ hở, nhược điểm của chủ nghĩa Mác Xít, đánh đổ được cái quan niệm « thập toàn » của chủ nghĩa ấy. 2) Làm một tài liệu quý báu cho việc xây dựng một chính sách chống cộng hiệu quả, đến nay vì sự thiếu sót những yếu tố cần yếu vẫn chưa thành được một chính sách chung.

NGUYỄN ĐĂNG

